

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Thu Hoa
Giảng viên hướng dẫn: TH.S Hòa Thị Thanh Hương

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI
CÔNG TY TNHH MTV ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU
HẢI LONG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ LIÊN THÔNG
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Thu Hoa
Giảng viên hướng dẫn: TH.S Hòa Thị Thanh Hương**

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Thu Hoa

Mã SV: 1113401007

Lớp: QTL501K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH MTV Đóng và sửa chữa tàu Hải Long

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH MTV Đóng và sửa chữa tàu Hải Long.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: Hòa Thị Thanh Hương

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH MTV Đóng và sửa chữa tàu Hải Long

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Thu Hoa

THS.Hòa Thị Thanh Hương

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*
PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Nghiêm túc trong nghiên cứu tài liệu và tìm hiểu thực tiễn của doanh nghiệp.
- Chăm chỉ, khiêm tốn, cố gắng, nỗ lực trong quá trình làm bài
- Hoàn thành khóa luận theo đúng tiến độ của Giảng viên hướng dẫn và của nhà trường

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Bài viết trình bày rõ cơ sở lý luận theo đề tài nghiên cứu.
- Nắm được tình hình kế toán tại doanh nghiệp và công tác kế toán theo đề tài được giao.
- Đánh giá được thực trạng công tác kế toán theo đề tài tại doanh nghiệp.
- Đã đề xuất và phân tích một số giải pháp tương đối phù hợp.
- Phương pháp trình bày dễ hiểu, văn phong gọn gàng.
- Tuy nhiên một số giải pháp đưa ra cần phân tích sâu, cụ thể hơn thì giải pháp sẽ thuyết phục hơn.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2013

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU (NVL) VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ (CCDC) TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT	3
1.1.Những vấn đề chung về NVL và CCDC.....	3
1.1.1.Khái niệm NVL và CCDC	3
1.1.2.Đặc điểm của NVL và CCDC.....	3
1.1.3.Vai trò của NVL và CCDC trong sản xuất.....	4
1.1.4.Công tác quản lý NVL và CCDC	4
1.2.Nội dung công tác kế toán NVL và CCDC.....	5
1.2.1.Nhiệm vụ của kế toán NVL và CCDC	5
1.2.2.Phân loại NVL và CCDC	6
1.2.2.1.Phân loại NVL:.....	6
1.2.2.2.Phân loại CCDC	7
1.2.3.Đánh giá NVL và CCDC.....	8
1.2.3.1. Đánh giá vật liệu theo giá thực tế.....	9
1.2.3.2.Đánh giá NVL và CCDC theo giá hạch toán.....	11
1.2.4.Kế toán chi tiết NVL và CCDC	11
1.2.4.1.Chứng từ sử dụng	11
1.2.4.2.Phương pháp hạch toán chi tiết NVL và CCDC	12
1.2.5.Kế toán tổng hợp NVL và CCDC	19
1.2.5.1.Kế toán tổng hợp NVL và CCDC theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	19
1.2.5.2.Kế toán tổng hợp NVL và CCDC theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	22
1.2.6.Các hình thức ghi sổ kế toán NVL và CCDC.....	25
1.2.6.1.Hình thức ghi sổ kế toán NVL, CCDC theo hình thức nhật ký chung (NKC).....	25
1.2.6.2.Hình thức ghi sổ kế toán NVL, CCDC theo hình thức nhật ký sổ cái.....	27
1.2.6.3.Hình thức ghi sổ kế toán NVL, CCDC theo hình thức chứng từ ghi sổ (CTGS).....	28
1.2.6.4.Hình thức ghi sổ kế toán NVL, CCDC theo hình thức nhật ký chứng từ... ..	29
1.2.6.5.Hình thức ghi sổ kế toán NVL, CCDC theo hình thức kế toán máy	30

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NVL VÀ CCDC TẠI CÔNG TY TNHH MTV ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG	32
2.1. Khái quát chung về công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long....	32
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty	32
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của công ty	33
2.1.3. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty	36
2.1.4. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	37
2.1.5. Đặc điểm công tác kế toán tại công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long.....	41
2.1.5.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty	41
2.1.5.2. Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty	43
2.1.5.3. Các chính sách kế toán áp dụng tại công ty	43
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán NVL và CCDC của công ty TNHH MTV Đóng và sửa chữa tàu Hải Long.....	44
2.2.1. Đặc điểm NVL và CCDC của công ty	44
2.2.2. Phân loại NVL và CCDC	45
2.2.3. Đánh giá NVL và CCDC.....	45
2.2.4. Kế toán chi tiết NVL và CCDC tại công ty	46
2.2.4.1. Chứng từ và thủ tục nhập kho	46
2.2.4.2. Chứng từ và thủ tục xuất kho	54
2.2.5. Kế toán chi tiết NVL và CCDC	56
2.2.6. Kế toán tổng hợp NVL và CCDC của công ty TNHH MTV Đóng và sửa chữa tàu Hải Long.....	64
2.2.6.1. Kế toán tổng hợp nhập NVL và CCDC tại công ty.....	64
2.2.6.2. Kế toán tổng hợp xuất NVL và CCDC tại công ty	69
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NVL VÀ CCDC TẠI CÔNG TY TNHH MTV ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG	76
3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán NVL tại công ty TNHH MTV Đóng và sửa chữa tàu Hải Long.....	76
3.1.1 Những ưu điểm và kết quả đạt được	76

3.1.2 Những khó khăn, tồn tại	78
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán NVL và CCDC tại công ty TNHH MTV Đóng và sửa chữa tàu Hải Long.....	80
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán NVL và CCDC tại công ty TNHH MTV Đóng và sửa chữa tàu Hải Long.	80
3.2.2. Yêu cầu và nội dung hoàn thiện công tác kế toán NVL và CCDC tại Công ty TNHH MTV Đóng và sửa chữa tàu Hải Long.	81
3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán NVL và CCDC tại Công ty TNHH MTV Đóng và sửa chữa tàu Hải Long.	81
3.2.3.1. Ý kiến thứ nhất: Xây dựng hệ thống danh điểm vật liệu hoàn chỉnh và thống nhất.	82
3.2.3.2. Ý kiến thứ hai: Quy định về ngày và trách nhiệm luân chuyển chứng từ ...	84
3.2.3.3. Ý kiến thứ ba: Về việc áp dụng kế toán máy	85
KẾT LUẬN	88

LỜI MỞ ĐẦU

Mục tiêu cuối cùng đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh là đạt được lợi nhuận cao nhất, lợi nhuận thu được là điều kiện để các doanh nghiệp duy trì hoạt động và tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất của mình. Để góp phần giúp doanh nghiệp đạt được lợi nhuận cao nhất trước hết doanh nghiệp phải xây dựng được một cơ cấu tổ chức phù hợp, giúp cho nhà quản lý có thể quản lý được mọi hoạt động của doanh nghiệp. Trong cơ cấu quản lý này bộ phận kế toán có vai trò hết sức quan trọng. Hạch toán kế toán phản ánh và giám đốc mọi mặt hoạt động kinh tế tài chính ở tất cả các đơn vị trong doanh nghiệp, cung cấp cho nhà quản trị những thông tin tài chính cần thiết để đưa ra những quyết định phù hợp và kịp thời.

Quá trình sản xuất là quá trình kết hợp đồng thời cũng là quá trình tiêu hao các yếu tố cơ bản (lao động, đối tượng lao động và tư liệu lao động) trong đó nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ thường chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp sản xuất. Nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ là hai yếu tố chủ yếu hình thành nên sản phẩm mới, chất lượng của sản phẩm tốt hay xấu cũng như chi phí sản xuất nhiều hay ít phụ thuộc phần lớn vào nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ dùng để sản xuất. Do vậy việc đảm bảo sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm vật liệu nhằm hạ thấp chi phí sản xuất, hạ thấp giá thành sản phẩm có ý nghĩa rất quan trọng, nó đã trở thành một yêu cầu bức thiết đối với bất kỳ một doanh nghiệp nào.

Nhận thức về tầm quan trọng của nguyên vật liệu đối với quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị đồng thời qua nghiên cứu thực tế công tác kế toán tại Công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long, được sự giúp đỡ tận tình của Ban giám đốc, các cô chú phòng kế toán Công ty, em nhận thấy kế toán nguyên vật liệu (NVL) và công cụ dụng cụ (CCDC) ở Công ty giữ một vai trò rất quan trọng. Chính vì vậy em đã chọn và đi sâu vào nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán Nguyên vật liệu và Công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long”** làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, kết cấu bài khóa luận được chia làm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán NVL và CCDC trong các doanh nghiệp sản xuất.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán NVL và CCDC tại Công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long.

Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán NVL và CCDC tại Công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long .

Mặc dù em đã cố gắng nghiên cứu, tìm hiểu và nhận được sự hướng dẫn, chỉ bảo nhiệt tình của cô giáo - Thạc sĩ Hoà Thị Thanh Hương cũng như các cô chú, anh chị trong phòng kế toán, em đã nắm được tình hình thực tế công tác kế toán nguyên vật liệu (NVL) và công cụ dụng cụ (CCDC) tại công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long. Tuy nhiên do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận thực tế còn hạn chế nên bài viết của em không tránh khỏi những sai sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô giáo để bài khóa luận tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !.

Sinh viên

Nguyễn Thị Thu Hoa

CHƯƠNG 1:**LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT
LIỆU (NVL) VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ (CCDC) TRONG CÁC DOANH
NGHIỆP SẢN XUẤT****1.1. Những vấn đề chung về NVL và CCDC****1.1.1. Khái niệm NVL và CCDC**

❖ Vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, là cơ sở vật chất cấu thành nên thực thể sản phẩm dịch vụ, nó tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất kinh doanh ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm được sản xuất ra. Nếu thiếu nó thì quá trình sản xuất kinh doanh không thể tiến hành được, vật liệu được cung cấp đầy đủ đồng bộ, đảm bảo chất lượng là điều kiện quyết định khả năng tái sản xuất mở rộng.

❖ CCDC là những tư liệu lao động không có đủ đảm bảo điều kiện tiêu chuẩn quy định về giá trị và thời gian sử dụng như đối với TSCĐ.

1.1.2. Đặc điểm của NVL và CCDC

❖ Đặc điểm NVL: sau mỗi kỳ sản xuất vật liệu được tiêu dùng, toàn bộ hình thái vật chất ban đầu của nó không còn tồn tại, và nói khác đi là vật liệu bị tiêu hao hoàn toàn hay bị biến dạng đi trong quá trình sản xuất cấu thành nên thực thể sản phẩm. Trong quá trình tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh, giá trị vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất giá trị của vật liệu được dịch chuyển một lần và dịch chuyển toàn bộ vào giá trị sản phẩm sản xuất ra. Vật liệu được xếp vào tài sản lưu động.

❖ Đặc điểm CCDC: giống vật liệu ở chỗ có giá trị nhỏ nên được xếp vào tài sản lưu động (TSLĐ), CCDC tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu. CCDC được sử dụng và hạch toán giống như vật liệu nhưng trong quá trình tham gia vào sản xuất hoặc sử dụng giá trị công cụ được chuyển dần vào sản xuất kinh doanh do đó cần phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh.

1.1.3. Vai trò của NVL và CCDC trong sản xuất

Trong các DN sản xuất, nguyên vật liệu là tài sản dự trữ sản xuất. Nó là cơ sở vật chất hình thành nên sản phẩm mới, là 1 trong 3 yếu tố không thể thiếu được khi tiến hành sản xuất sản phẩm. Vì vậy việc cung cấp nguyên vật liệu có kịp thời hay không đều có ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất.

Mặt khác chất lượng sản phẩm cao hay thấp phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng nguyên vật liệu sử dụng. Qua đó, ta thấy nguyên vật liệu có vị trí quan trọng như thế nào đối với các DN sản xuất kinh doanh, giá trị nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh của một DN, chúng là đối tượng lao động trực tiếp của quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm.

Thiếu nguyên vật liệu sản xuất sẽ bị đình trệ, giá trị sản phẩm của DN phụ thuộc rất nhiều vào tình hình biến động chi phí nguyên vật liệu vì chúng thường chiếm 60-80% giá thành sản phẩm. Từ đó cho thấy chi phí nguyên vật liệu có ảnh hưởng không nhỏ tới lợi nhuận của DN vì vậy đòi hỏi các DN phải chú trọng tới công tác kế toán nguyên vật liệu, để sử dụng nguyên vật liệu một cách hiệu quả nhất sao cho với cùng một khối lượng vật liệu nhất định có thể làm ra được nhiều sản phẩm hơn, chất lượng tốt hơn...Điều đó giúp DN có thể đứng vững và cạnh tranh trong cơ chế thị trường hiện nay. Muốn vậy DN phải quản lý chặt chẽ vật liệu ở tất cả các khâu: Thu mua, bảo quản, dự trữ và sử dụng vật liệu nhằm hạ thấp chi phí vật liệu, giảm mức tiêu hao vật liệu có ý nghĩa quan trọng trong việc hạ thấp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, tăng tích lũy cho DN.

1.1.4. Công tác quản lý NVL và CCDC

Yêu cầu quản lý NVL và CCDC là quản lý ở tất cả các khâu, từ khâu thu mua đến bảo quản, dự trữ và sử dụng NVL và CCDC. Cụ thể là:

- Ở khâu thu mua: Quản lý chặt chẽ quá trình thu mua NVL và CCDC về các mặt số lượng, chất lượng, quy cách, chủng loại, giá mua và chi phí mua cũng như các kế hoạch mua theo đúng tiến độ thời gian, phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của DN. Vì vậy DN phải thường xuyên phân tích tình hình thu mua NVL và CCDC, tìm hiểu nguồn cung cấp để lựa chọn nguồn mua, đảm bảo về số lượng, chủng loại, quy cách với giá cả, chi phí mua là thấp nhất.

- Ở khâu bảo quản: Phải đảm bảo tổ chức tốt kho tàng bến bãi, thực hiện đúng chế độ bảo quản đối với vật liệu, hệ thống kho tàng, phương tiện vận chuyển phải phù hợp với tính chất, đặc điểm của từng loại vật tư nhằm hạn chế mất mát hư hỏng vật tư trong quá trình vận chuyển, bảo quản, đảm bảo an toàn vật tư về cả số lượng, chất lượng.

- Ở khâu dự trữ: Phải lập dự trữ tối đa và tối thiểu cho từng loại, đảm bảo cho quá trình sản xuất không bị ngưng trệ, song cũng không dư thừa quá mức (không vượt quá mức tối đa) để tăng vòng quay của vốn và không nhỏ quá mức tối thiểu để sản xuất được liên tục, bình thường.

- Quá trình sử dụng: Sử dụng hợp lý, tiết kiệm trên cơ sở các định mức, và dự toán chi phí sản xuất có ý nghĩa rất quan trọng trong việc hạ thấp chi phí và giá thành.

Do vậy trong khâu sản xuất cần lập định mức tiêu hao NVL và CCDC và có quy chế trách nhiệm cụ thể đối với việc sử dụng NVL và CCDC, xác định đúng giá trị NVL và CCDC đã sử dụng để tính vào chi phí.

Nói tóm lại, tăng cường công tác quản lý NVL và CCDC là cần thiết và tất yếu trong các DN sản xuất. Có quản lý tốt NVL và CCDC mới đảm bảo cho quá trình sản xuất được diễn ra liên tục, không bị ngưng trệ. Và có làm tốt công tác quản lý NVL và CCDC sẽ giảm bớt chi phí trong giá thành sản phẩm, mang lại lợi nhuận cao nhất. Bên cạnh đó, những thông tin về mức chi phí thực tế của NVL và CCDC xuất dùng và sử dụng đó cũng là cơ sở để cấp lãnh đạo đưa ra quyết định đúng đắn.

1.2. Nội dung công tác kế toán NVL và CCDC

1.2.1. Nhiệm vụ của kế toán NVL và CCDC

Xuất phát từ yêu cầu quản lý NVL và CCDC kế toán với vai trò là công cụ quản lý có các nhiệm vụ sau:

- Phân loại vật liệu theo tiêu thức quản lý của DN và lập danh điểm vật liệu đảm bảo tính thống nhất giữa các bộ phận trong DN .

- Tổ chức hạch toán ban đầu NVL và CCDC, tổ chức lập và luân chuyển chứng từ hạch toán NVL và CCDC trong DN.

- Áp dụng đúng đắn các phương pháp kỹ thuật về hạch toán. Tổ chức tài khoản, tổ chức sổ kế toán phù hợp với phương pháp kế toán hàng tồn kho của doanh nghiệp để ghi chép phản ánh tổng hợp số liệu về tình hình nhập - xuất - tồn vật tư theo cả hiện vật và giá trị. Tính toán đúng giá trị thực tế của NVL và CCDC nhập, xuất kho.

- Kiểm tra tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch về thu mua, kế hoạch sử dụng NVL và CCDC cho sản xuất.

- Xác định các báo cáo quản trị NVL và CCDC theo yêu cầu thông tin của quản lý. Tổ chức lập và phân tích các báo cáo này, đồng thời cung cấp thông tin cho việc lập báo cáo tài chính và phân tích kết quả kinh doanh.

1.2.2. Phân loại NVL và CCDC

Do quá trình sản xuất của doanh nghiệp sử dụng nhiều loại NVL và CCDC khác nhau cho những mục đích khác nhau để nhằm chế tạo ra sản phẩm thực hiện lao vụ dịch vụ nên cần thiết phải tiến hành phân loại NVL và CCDC theo những tiêu thức và đặc trưng nhất định.

1.2.2.1. Phân loại NVL:

- Nếu căn cứ vào công dụng kinh tế và vai trò của từng loại NVL trong quá trình sản xuất kinh doanh, có thể chia NVL thành:

+ NVL chính (gồm cả nửa thành phẩm mua ngoài)

✓ NVL chính: Là đối tượng lao động chủ yếu cấu thành nên thực thể sản phẩm. NVL chính như sắt thép trong các DN chế tạo máy cơ khí, xây dựng cơ bản; bông trong các nhà máy sợi; vải trong các DN may...

✓ Đối với nửa thành phẩm mua ngoài là vật liệu chính với mục đích tiếp tục quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm, hàng hoá.

+ NVL phụ: Là đối tượng lao động nhưng khi sử dụng chỉ có tác dụng phụ trong quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm. Vật liệu phụ có thể làm tăng chất lượng sản phẩm, kết hợp với NVL chính làm thay đổi sắc màu, mùi vị bề ngoài của sản phẩm, hoàn chỉnh sản phẩm hoặc đảm bảo cho các tư liệu lao động hoạt động bình thường như: thuốc nhuộm, thuốc tẩy, dầu nhờn, cúc áo, chỉ may, giẻ lau...

+ Nhiên liệu: Là những loại vật liệu có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong sản xuất kinh doanh gồm: xăng, dầu, than củi, khí gas...

- + Phụ tùng thay thế: Là các loại phụ tùng, chi tiết được sử dụng để thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải
- + Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: bao gồm các vật liệu và thiết bị (cần lắp, không cần lắp, vật kết cấu, công cụ, khí cụ...) mà DN mua và nhằm vào mục đích đầu tư xây dựng cơ bản.
- + Vật liệu khác: Là những loại vật liệu chưa được xếp vào các loại trên, thường là những vật liệu được loại ra từ quá trình sản xuất, hoặc phế liệu thu hồi từ thanh lý tài sản cố định
 - Nếu căn cứ vào nguồn hình thành: NVL được chia thành hai nguồn:
 - + NVL nhập từ bên ngoài: Do mua ngoài, nhận vốn góp liên doanh, nhập do biếu tặng...
 - + NVL tự chế: Do DN tự sản xuất. Ví dụ: DN chế biến chè có tổ chức đội trồng chè cung cấp nguyên liệu cho bộ phận chế biến.
 - Nếu căn cứ vào mục đích và nơi sử dụng của NVL có thể chia NVL thành:
 - + NVL dùng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh. Gồm: NVL dùng trực tiếp cho sản xuất chế tạo sản phẩm, NVL dùng cho quản lý ở các phân xưởng, dùng cho bộ phận bán hàng, bộ phận quản lý DN.
 - + NVL dùng cho nhu cầu khác: Như do nhượng bán, đem góp vốn liên doanh, đem quyên tặng...

1.2.2.2. Phân loại CCDC

- CCDC có nhiều loại, nhiều thứ, có loại nằm trong kho. Việc phân loại tùy thuộc vào yêu cầu quản lý đơn vị, có thể chia làm ba loại sau:
 - + Công cụ dụng cụ.
 - + Bao bì luân chuyển
 - + Đồ dùng cho thuê.
- Nhưng trong một số trường hợp có những tư liệu lao động không phụ thuộc vào giá trị và thời hạn sử dụng vẫn được hạch toán như CCDC.
 - + Các lán trại tạm thời, đà giáo, công cụ dụng cụ.

+ Các loại bao bì kèm theo hàng hóa để bảo quản hàng hóa vận chuyển trên đường và vận chuyển trong kho.

+ Dụng cụ đồ nghề bằng thủy tinh, sành sứ.

+ Quần áo, giày dép chuyên dùng để làm việc (bảo hộ lao động).

1.2.3.Đánh giá NVL và CCDC

❖ **Nguyên tắc đánh giá:** Là xem xét giá trị của vật liệu, CCDC cụ thể biểu hiện bằng giá trị, việc đánh giá này phải tuân thủ những nguyên tắc nhất định

+ Nguyên tắc giá gốc (Theo chuẩn mực 02- hàng tồn kho): NVL phải được đánh giá theo giá gốc. Giá gốc hay được gọi là giá thực tế của NVL, là toàn bộ các chi phí mà DN đã bỏ ra để có được những NVL ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

+ Nguyên tắc thận trọng: Biểu hiện ở chỗ DN có đánh giá chính xác mức độ giảm giá NVL khi thấy có sự chênh lệch giữa giá hạch toán trên sổ kế toán với giá thị trường, dựa trên cơ sở đó lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

+ Nguyên tắc nhất quán: Các phương pháp kế toán áp dụng trong đánh giá vật tư, hàng hoá phải đảm bảo tính nhất quán. Tức là kế toán đã chọn phương pháp kế toán nào thì phải áp dụng phương pháp đó nhất quán trong suốt niên độ kế toán. DN có thể thay đổi phương pháp đã chọn, nhưng phải đảm bảo phương pháp thay thế trình bày thông tin kế toán một cách trung thực và hợp lý hơn, đồng thời phải giải thích được ảnh hưởng của sự thay đổi đó.

❖ Các phương pháp đánh giá NVL và CCDC

Về nguyên tắc NVL và CCDC là tài sản lưu động thuộc nhóm hàng tồn kho được đánh giá theo trị giá thực tế. Khi xuất kho cũng phải xác định giá thực tế xuất kho theo đúng phương pháp quy định. Tuy nhiên để đơn giản và giảm bớt khối lượng ghi chép, tính toán hàng ngày có thể sử dụng giá hạch toán để hạch toán tình hình nhập – xuất – tồn NVL và CCDC.

Như vậy có hai phương pháp đánh giá NVL và CCDC đó là:

- Đánh giá vật liệu theo giá thực tế.

- Đánh giá vật liệu theo giá hạch toán.

1.2.3.1. *Đánh giá vật liệu theo giá thực tế*

a) Xác định trị giá thực tế của NVL và CCDC nhập kho: Được xác định theo từng nguồn nhập.

- Nhập kho do mua ngoài:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{NVL, CCDC} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua} \\ \text{trên hoá} \\ \text{đơn} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{mua} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Thuế nhập} \\ \text{khẩu (nếu} \\ \text{có)} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các} \\ \text{khoản} \\ \text{giảm trừ} \end{array}$$

Ở đây: Giá mua là giá không có thuế GTGT nếu NVL và CCDC mua về dùng để sản xuất các mặt hàng chịu thuế GTGT và DN nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Giá mua là giá có thuế GTGT nếu NVL và CCDC mua về sử dụng vào việc sản xuất các mặt hàng không chịu thuế GTGT hoặc với DN nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

Chi phí thu mua thực tế gồm: chi phí vận chuyển bốc dỡ, bảo quản, phân loại, bảo hiểm NVL từ nơi mua về đến kho của doanh nghiệp công tác phí của nhân viên thu mua chi phí cho bộ phận thu mua độc lập hao hụt tự nhiên trong định mức.

- Nhập do tự gia công chế biến:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{NVL, CCDC} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thực tế NVL,} \\ \text{CCDC xuất gia} \\ \text{công chế biến} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí gia} \\ \text{công chế} \\ \text{biến} \end{array}$$

Trong đó, tiền thuê gia công chế biến, tiền vận chuyển (nếu có) sẽ bao gồm cả thuế GTGT nếu NVL và CCDC được dùng để sản xuất mặt hàng không chịu thuế GTGT hoặc DN nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, sẽ không bao gồm thuế GTGT nếu sản phẩm sản xuất ra là đối tượng không chịu thuế GTGT và DN nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Nhập kho do nhận vốn góp liên doanh.

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{NVL, CCDC} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Trị giá vốn góp do hội} \\ \text{đồng liên doanh xác định} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận chuyển} \\ \text{bốc dỡ (nếu có)} \end{array}$$

Giá thực tế NVL và CCDC nhập kho được tính theo giá thị trường hoặc theo giá ghi trên biên bản ghi nhận NVL và CCDC biểu tăng cộng các chi phí phát sinh.

- Nhập kho đối với NVL và CCDC được Nhà nước cấp

Giá thực tế nhập kho là giá trị vốn NSNN được ghi nhận cộng các chi phí phát sinh khác.

- Nhập kho với NVL và CCDC là phế liệu thu hồi thì giá thực tế NVL và CCDC nhập kho là giá ước tính trên thị trường.

b) Xác định giá thực tế của NVL và CCDC xuất kho

NVL và CCDC được nhập kho từ nhiều nguồn khác nhau, ở nhiều thời điểm khác nhau nên có nhiều giá khác nhau. Do đó khi xuất kho NVL và CCDC tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động, yêu cầu, trình độ quản lý và điều kiện trang bị phương tiện trang bị kỹ thuật tính toán ở từng DN mà lựa chọn một trong các phương pháp sau để xác định trị giá vốn thực tế của NVL và CCDC xuất kho.

- Phương pháp giá thực tế đích danh

Theo phương pháp này, khi xuất kho NVL và CCDC thì căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô đó để tính giá thực tế của NVL và CCDC xuất kho.

Phương pháp này được áp dụng cho những DN có chủng loại vật tư ít và nhận diện được từng lô hàng.

- Phương pháp bình quân gia quyền.

Trị giá thực tế của NVL và CCDC xuất kho được tính căn cứ vào số lượng NVL và CCDC xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền theo công thức:

$$\begin{array}{rcl}
 \begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{NVL, CCDC} \\ \text{xuất kho} \end{array} & = & \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{NVL, CCDC} \\ \text{xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân gia} \\ \text{quyền} \end{array} \\
 & & \begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế NVL,} \\ \text{CCDC tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế NVL,} \\ \text{CCDC nhập trong kỳ} \end{array} \\
 \begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{bình quân} \\ \text{cả kỳ dự trữ} \end{array} = & \frac{\begin{array}{l} \text{Số lượng NVL, CCDC} \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng NVL,} \\ \text{CCDC nhập trong kỳ} \end{array}}{2}
 \end{array}$$

- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng

- Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)

Phương pháp này dựa trên giả định là hàng hoá nào nhập sau được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập đầu tiên.

1.2.3.2.Đánh giá NVL và CCDC theo giá hạch toán

Giá hạch toán của NVL và CCDC là giá do DN tự quy định (có thể lấy giá kế hoạch hoặc giá mua tại một thời điểm nào đó) và được sử dụng thống nhất ở DN trong một thời gian dài. Hàng ngày sử dụng giá hạch toán để ghi sổ chi tiết giá trị NVL và CCDC nhập, xuất. Cuối kỳ kế toán tính ra trị giá vốn thực tế của NVL và CCDC xuất kho theo hệ số giá.

$$\text{Hệ số giá (H)} = \frac{\text{Trị giá vốn thực tế vật tư tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vốn thực tế vật tư nhập trong kỳ}}{\text{Trị giá hạch toán vật tư tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hạch toán vật tư nhập trong kỳ}}$$

Khi đó: Trị giá thực tế của NVL và CCDC xuất kho được tính như sau:

$$\text{Trị giá vốn thực tế NVL, CCDC xuất kho} = \text{Trị giá hạch toán NVL, CCDC xuất kho} \times \text{Hệ số giá (H)}$$

1.2.4.Kế toán chi tiết NVL và CCDC**1.2.4.1.Chứng từ sử dụng**

Chứng từ: Phiếu nhập kho (mẫu số 1VT): Dùng để ghi chép phản ánh số lượng, chất lượng giá trị của các loại NVL - CCDC nhập xuất trong kỳ làm căn cứ để lập báo cáo kho và kiểm tra thanh tra khi cần thiết. Sau khi lập chứng từ kế toán hoặc thủ kho phải trình cho thủ trưởng cho doanh nghiệp ký, sau đó thủ kho tiến

hành nhập hoặc xuất trong kỳ. Sau khi nhập xong thì thủ kho giữ lại 1 liên (liên 3) giao cho người nhận hàng nhận 1 liên (liên 4) 2 liên 1 & 2 giao cho kế toán, kế toán giữ 1 liên và kế toán khác có liên quan giữ 1 liên.

- Phiếu xuất kho (mẫu 02 VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (mẫu 03VT)
- Biên bản kiểm kê vật tư sản phẩm hàng hóa (mẫu 08VT)
- Hoá đơn kiêm phiếu xuất kho (mẫu 02BH)

1.2.4.2. Phương pháp hạch toán chi tiết NVL và CCDC

Tuỳ theo phương thức kinh doanh, tuỳ theo yêu cầu và trình độ quản lý mà việc ghi chép phản ánh của thủ kho và kế toán cũng như việc kiểm tra đối chiếu số liệu giữa hạch toán nghiệp vụ ở kho và phòng kế toán được tiến hành theo một trong các phương pháp sau:

- Phương pháp thẻ song song.
- Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.
- Phương pháp sổ số dư

a) Phương pháp thẻ song song

- Ở kho: Hàng ngày khi có chứng từ nhập- xuất, thủ kho phải tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi căn cứ vào số lượng thực nhập, thực xuất trên chứng từ để ghi vào thẻ kho liên quan, mỗi chứng từ ghi vào một dòng trên thẻ kho. Thẻ kho được mở cho từng danh điểm vật tư, cuối tháng thủ kho phải tiến hành tổng cộng số lượng nhập, xuất, tính ra số tồn kho về mặt lượng theo từng danh điểm vật liệu. Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải chuyển toàn bộ chứng từ nhập xuất kho về phòng kế toán.

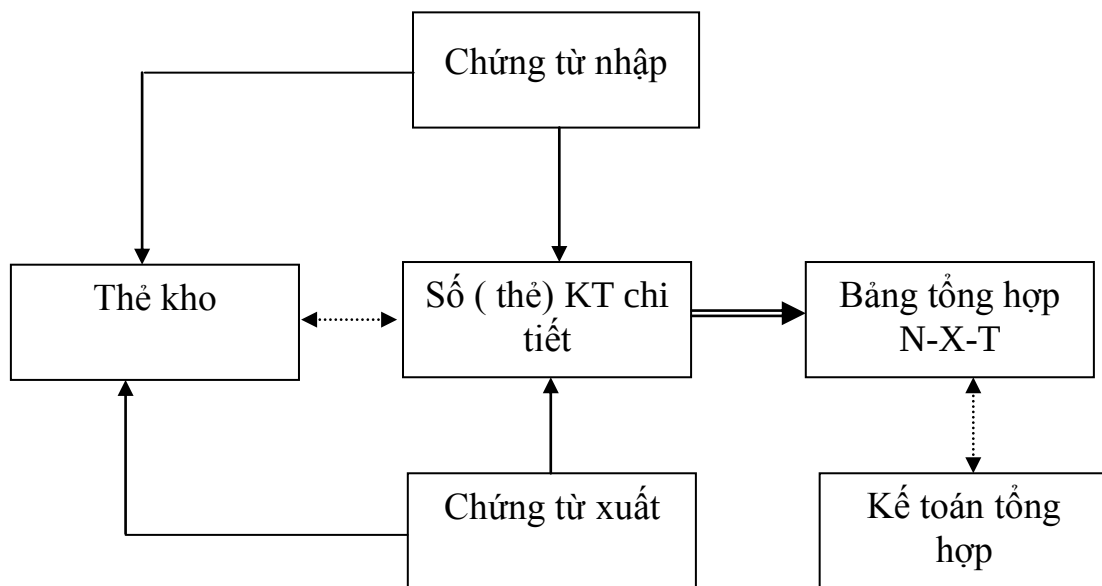
- Ở phòng kế toán: Kế toán sử dụng sổ (thẻ) kế toán chi tiết vật liệu để theo dõi tình hình nhập- xuất- tồn kho hàng ngày. Sổ chi tiết được theo dõi cả về mặt hiện vật và giá trị khi nhận được các chứng từ nhập- xuất kho do thủ kho chuyển đến, nhân viên kế toán nguyên vật liệu phải kiểm tra đối chiếu chứng từ nhập, xuất kho với các chứng từ liên quan như (hoá đơn GTGT, phiếu mua hàng...).

Cuối tháng, kế toán cộng sổ tính ra tổng số nhập, tổng số xuất và số tồn kho của từng danh điểm vật liệu. Số lượng NVL và CCDC tồn kho phản ánh trên sổ kế

toán chi tiết phải được đối chiếu khớp với số tồn kho ghi trên thẻ kho tương ứng. Sau khi đối chiếu với thẻ kho của thủ kho kế toán phải căn cứ vào sổ kế toán chi tiết NVL - CCDC lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn kho, số liệu của bảng này được đối chiếu với số liệu của sổ kế toán tổng hợp.

Có thể khái quát trình tự kế toán chi tiết NVL và CCDC theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.1: Trình tự ghi sổ kế toán chi tiết NVL và CCDC theo phương pháp thẻ song song.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- =====→ Ghi cuối tháng
- ←-.-.-.-> Đối chiếu, kiểm tra

*** Ưu nhược điểm, phạm vi áp dụng của phương pháp thẻ song song**

- + **Ưu điểm:** ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra, dễ đối chiếu.
- + **Nhược điểm:** việc ghi chép giữa thủ kho và phòng kế toán còn trùng lặp các chỉ tiêu về số lượng. Ngoài ra việc kiểm tra đối chiếu các yếu tố tiến hành vào cuối tháng, do vậy hạn chế chức năng kịp thời của kế toán.
- + **Phạm vi áp dụng:** Thích hợp với các doanh nghiệp ít chủng loại vật tư, khối lượng các nghiệp vụ (chứng từ) nhập xuất ít, không thường xuyên và nghiệp vụ của kế toán chuyên môn còn hạn chế.

Các mẫu sổ sách của phương pháp này được trình bày như thẻ kho (biểu 1.1), sổ chi tiết VL, CCDC, SP, HH (biểu 1.2), Bảng tổng hợp chi tiết VL, CCDC, SP, HH (biểu 1.3)

Biểu số 1.1: Thẻ kho

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số 012-DN.

QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của BTBTC

THẺ KHO

Ngày lập thẻ

Tờ số:

Tên nhãn hiệu quy cách vật tư:

Đơn vị tính: kg

Mã số:

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
	Số hiệu	Ngày tháng		Nhập	Xuất	Tồn	
				...	...	...	
			Cộng cuối kỳ				

Ngày tháng năm

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 1.2: Sổ chi tiết

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số 012-DN.

QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của BTBTC

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Năm

Tài khoản:

Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ, sản phẩm, hàng hóa:

Đơn vị tính:

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				Lượng	T. tiền	Lượng	T. tiền	Lượng	T. tiền
		Số dư đầu kỳ								
										
		Cộng cuối kỳ								

Ngày tháng năm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 1.3: Bảng tổng hợp chi tiết

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số 012-DN.

QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của BTBTC

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SP, HH

Tài khoản:

Tháng năm

STT	Tên, qui cách vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hang hóa	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
	Cộng				

Ngày tháng năm

Người lập

Kế toán trưởng

b) Phương pháp ghi sổ đối chiếu luân chuyển

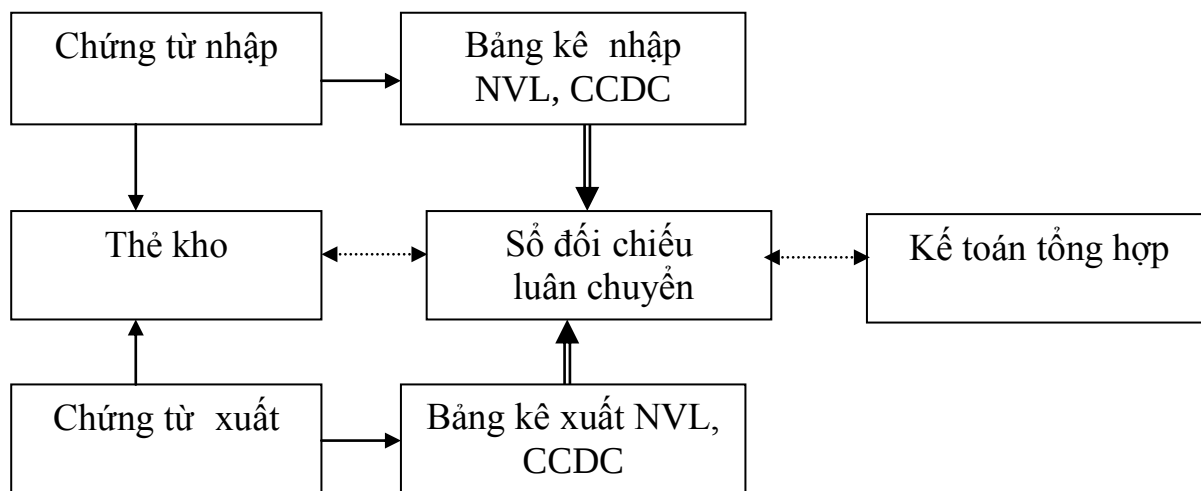
- Ở kho: Thủ kho cũng tiến hành ghi chép, phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn kho vật tư như phương pháp thẻ song song.

- Ở phòng kế toán: Kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng loại vật liệu ở từng kho dùng cho cả năm nhưng mỗi tháng chỉ ghi 1 lần vào cuối tháng. Cuối kỳ trên cơ sở phân loại chứng từ nhập xuất theo từng danh điểm NVL và CCDC và từng kho kế toán lập bảng kê nhập, xuất vật tư và dựa vào bảng kê này để ghi sổ đối chiếu tổng lượng nhập của từng thẻ kho với sổ đối chiếu luân chuyển, đồng thời từ sổ đối chiếu luân chuyển để đối chiếu với số liệu kế toán tổng hợp NVL và CCDC.

Có thể khái quát trình tự kế toán chi tiết NVL và CCDC theo sơ đồ 1.2

Các mẫu sổ sách của phương pháp này được trình bày như bảng kê nhập (xuất) vật liệu (biểu 1.4), sổ đối chiếu luân chuyển (biểu 1.5).

Sơ đồ 1.2: Trình tự ghi sổ kế toán chi tiết NVL và CCDC theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng
- <-.-.-> Đối chiếu, kiểm tra

+ **Ưu điểm:** khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối tháng.

+ **Nhược điểm:** việc ghi sổ kế toán trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu hiện vật, việc kiểm tra đối chiếu giữa kho và phòng kế toán cũng chỉ tiến hành vào cuối tháng nên công tác kiểm tra bị hạn chế.

+ **Phạm vi áp dụng:** áp dụng thích hợp cho các doanh nghiệp sản xuất có không nhiều nghiệp vụ nhập – xuất; không bố trí riêng nhân viên kế toán vật tư, do vậy không có điều kiện ghi chép theo dõi tình hình nhập xuất hàng ngày.

Biểu số 1.4: Bảng kê nhập (xuất) vật liệu

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Bảng kê nhập (xuất) vật liệu

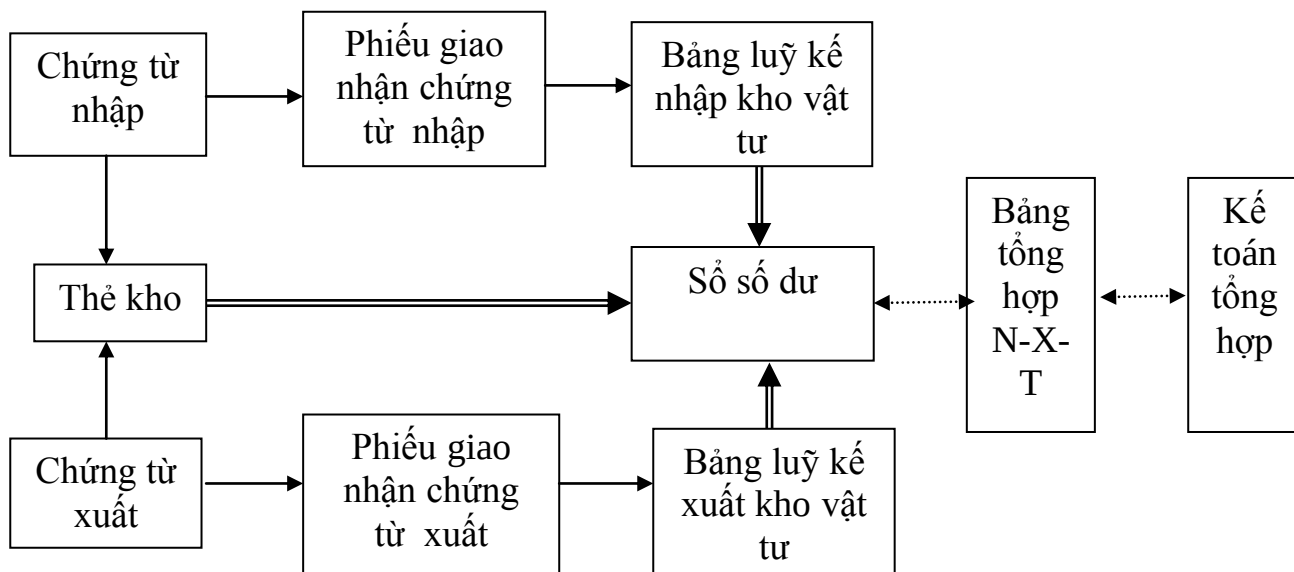
D.điểm VL	Tên VT	ĐVT	Giá HT	Số lượng Chứng từ	Số lượng			Số tiền
					Kho...	Kho...	Cộng	
								
	Cộng							

Người lập

Kế toán trực Ngày tháng năm

Các mẫu sổ sách của phương pháp này được trình bày như bảng lũy kế nhập xuất tồn vật liệu (biểu 1.6), sổ số dư (biểu 1.7).

Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán chi tiết NVL và CCDC theo phương pháp sổ số dư.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ◄-----> Đối chiếu, kiểm tra

+ **Ưu điểm:** Giảm được khối lượng ghi chép do kế toán chỉ ghi theo chỉ tiêu số tiền và ghi theo nhóm vật tư, hàng hoá. Phương pháp này đã kết hợp chặt chẽ giữa hạch toán doanh nghiệp và hạch toán kế toán. Kế toán đã thực hiện kiểm tra được thường xuyên việc ghi chép và bảo quản trong kho của thủ kho. Công việc được dàn đều trong tháng

+ **Nhược điểm:** Kế toán chưa theo dõi chi tiết đến từng thứ vật tư, hàng hoá nên để có thông tin về tình hình nhập, xuất, tồn của thứ vật tư, hàng hoá nào thì căn cứ vào số liệu trên thẻ kho. Việc kiểm tra, phát hiện sai sót nhầm lẫn giữa kho và phòng kế toán rất phức tạp.

+ **Phạm vi áp dụng:** Doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, hàng hoá, việc nhập - xuất diễn ra thường xuyên. Doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống giá hạch toán và xây dựng được hệ thống danh điểm vật tư, hàng hoá hợp lý. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ kế toán vững vàng.

Biểu số 1.6: Bảng lũy kế nhập vật liệu

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Bảng lũy kế nhập xuất tồn kho vật liệu

Tháng.....năm.....

Kho.....

Danh điểm	Tên VL	Đơn giá	Tồn đầu tháng	Nhập			Xuất			Tồn cuối tháng
				Từ ngày.. Đến ngày..	Từ ngày.. Đến ngày..	Cộng nhập	Từ ngày.. Đến ngày..	Từ ngày.. Đến ngày..	Cộng xuất	
	Cộng									

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu số 1.7: Sổ số dư

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Sổ số dư

Năm.....

Kho.....

Danh điểm	Tên vật liệu	ĐVT	Đơn giá	Số dư đầu năm		Tồn kho cuối tháng 1		Tồn kho cuối tháng 2		
				SL	TT	SL	TT	SL	TT	

Ngày tháng năm

Người lập

Kế toán trưởng

1.2.5. Kế toán tổng hợp NVL và CCDC**1.2.5.1. Kế toán tổng hợp NVL và CCDC theo phương pháp kê khai thường xuyên**

*Phương pháp kê khai thường xuyên (KKTX) hàng tồn kho là phương pháp ghi chép phản ánh thường xuyên liên tục có hệ thống tình hình nhập, xuất, tồn kho

các loại vật liệu trên các tài khoản và sổ kế toán tổng hợp trên cơ sở các chứng từ nhập, xuất.

a) Tài khoản sử dụng

* TK151: “Hàng mua đang đi đường” TK này dùng để phản ánh giá trị của các loại vật tư mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của DN còn đang trên đường vận chuyển hoặc đã về đến DN nhưng đang chờ kiểm nhận nhập kho.

* TK 152: “ Nguyên liệu, vật liệu” TK này phản ánh số hiện có và tình hình tăng giảm NVL theo giá trị vốn thực tế. TK 152 có thể mở chi tiết thành các TK cấp 2, cấp 3...theo từng loại, nhóm, thứ, vật liệu tùy thuộc vào yêu cầu quản lý của doanh nghiệp như:

- TK 1521: Nguyên vật liệu chính.
- TK 1522: Nguyên vật liệu phụ.
- TK 1523: Nhiên liệu.
- TK 1524: Phụ tùng thay thế.
- TK 1525: Vật liệu và thiết bị XDCB.
- TK 1528: Vật liệu khác.

Kết cấu: TK 152 vốn có số dư nợ cuối kỳ.

TK 152

ĐĐK: Phản ánh giá trị các loại NVL còn tồn kho ở đầu kỳ PS Nợ: - Giá trị thực tế NVL nhập kho do mua ngoài tự chế, thuê ngoài gia công, nhận góp vốn liên doanh. - Giá trị NVL thừa phát hiện khi kiểm kê.	PS Có: - Giá trị thực tế NVL xuất kho để sản xuất bán, thuê ngoài gia công, chế biến, góp vốn liên doanh. - Giá trị NVL thiếu hụt phát hiện khi kiểm kê.
DCK: Giá trị thực tế của NVL tồn kho	

* TK 153: “Công cụ, dụng cụ” TK này phản ánh số hiện có và tình hình tăng giảm CCDC theo giá trị vốn thực tế. TK 153 có thể mở chi tiết thành các TK cấp 2, cấp 3, theo từng loại CCDC tùy thuộc vào yêu cầu quản lý của doanh nghiệp như:

- TK 1531: Công cụ, dụng cụ cho sản xuất
- TK 1532: Bao bì luân chuyển

- TK1533: Đồ dùng cho thuê

Kết cấu tài khoản vốn có số dư Nợ cuối kỳ.

TK 153

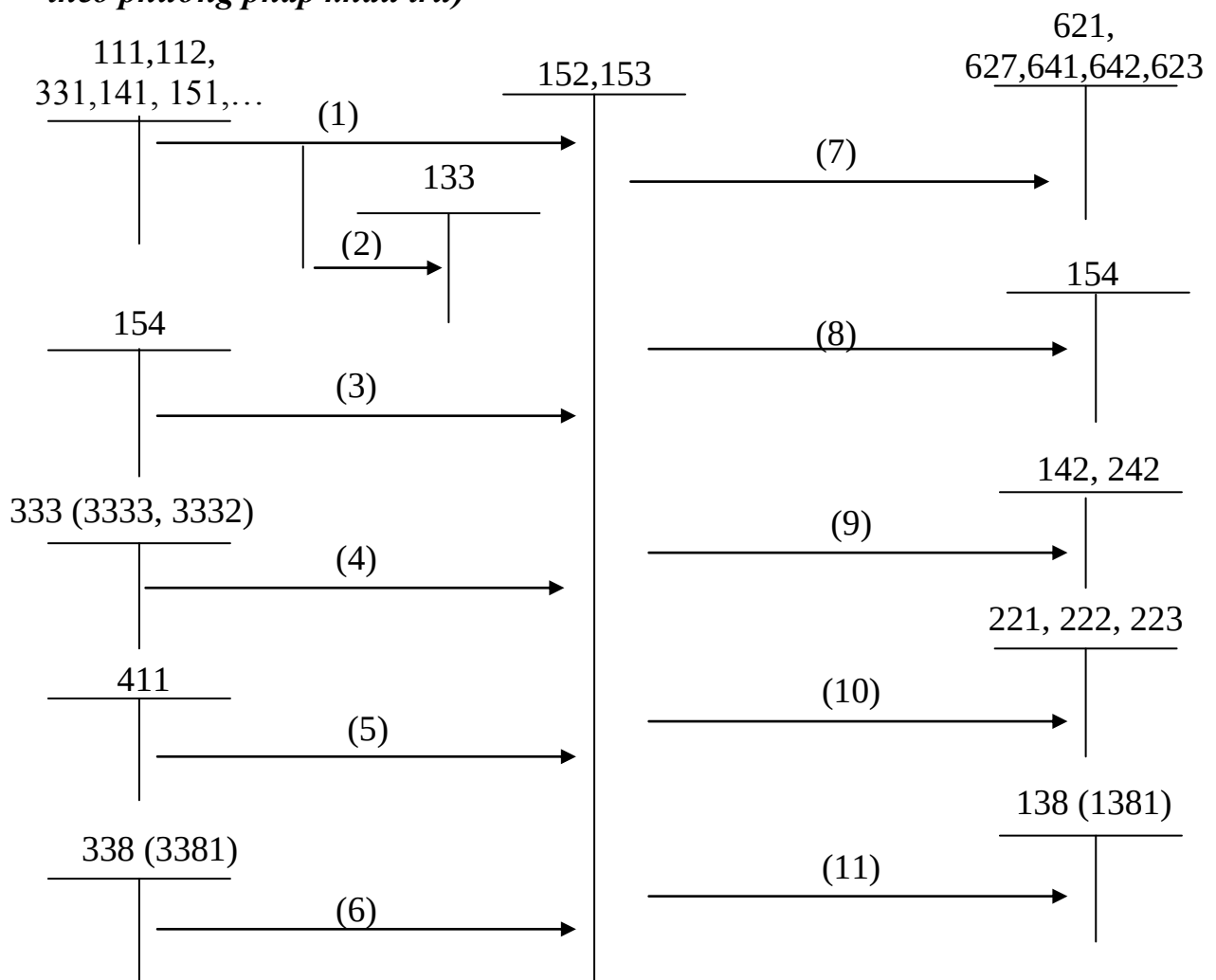
SDĐK: Phản ánh giá trị tồn đầu kỳ

PSNợ: phản ánh giá trị CCDC nhập thêm trong kỳ .

PSCó: Phản ánh giá trị CCDC xuất sử dụng trong kỳ

SDCK: Phản ánh giá trị tồn đầu kỳ

Sơ đồ 1.4: Kế toán tổng hợp NVL, CCDC theo phương pháp KKTX (tính thuế theo phương pháp khấu trừ)



*** Giải thích:**

(1) Nhập kho NVL, CCDC mua ngoài

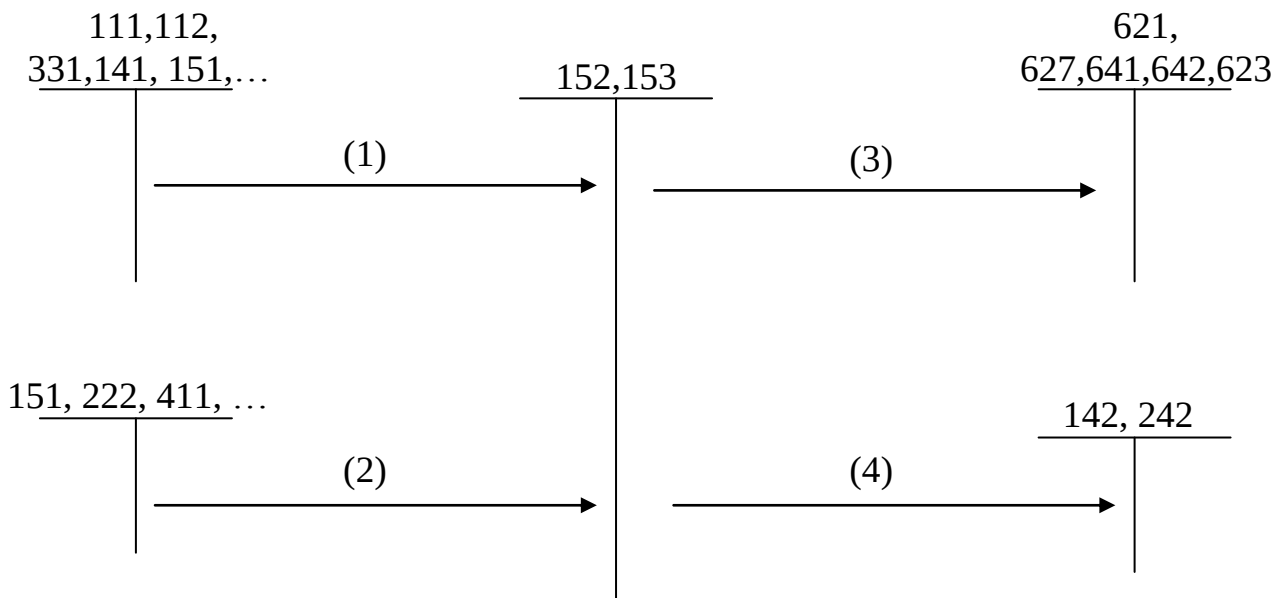
(2) Thuế GTGT được khấu trừ

(3) Nhập kho NVL, CCDC thuê ngoài gia công đã chế biến xong

(4) Thuế nhập khẩu, thuế TTĐB của NVL, CCDC nhập khẩu phải nộp vào NSNN

- (5) NVL, CCDC được cấp phát hoặc nhận vốn góp liên doanh
- (6) NVL, CCDC phát hiện thừa khi kiểm kê chờ xử lý
- (7) Xuất kho NVL, CCDC (giá trị không lớn) dùng cho sản xuất kinh doanh
- (8) Xuất kho NVL, CCDC thuê ngoài gia công
- (9) CCDC xuất kho dùng cho sản xuất kinh doanh phải phân bổ dần
- (10) NVL, CCDC xuất kho để đầu tư vào công ty con, công ty liên kết hoặc cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
- (11) NVL, CCDC phát hiện thiếu khi kiểm kê chờ xử lý.

Sơ đồ 1.2: Kế toán tổng hợp NVL, CCDC theo phương pháp KCTX (tính thuế theo phương pháp trực tiếp)



*** Giải thích:**

- (1) Nhập kho NVL, CCDC mua ngoài (tổng giá thanh toán)
- (2) NVL, CCDC tăng do các nguyên khác
- (3) Xuất kho NVL, CCDC (giá trị không lớn) dùng cho sản xuất kinh doanh
- (4) CCDC xuất kho dùng cho sản xuất kinh doanh phải phân bổ dần

1.2.5.2. Kế toán tổng hợp NVL và CCDC theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Phương pháp KKĐK là phương pháp kế toán không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho và tồn kho của vật tư hàng hoá trên các tài khoản hàng tồn kho.

Các tài khoản này chỉ phản ánh trị giá vốn thực tế của vật tư hàng hoá tồn kho cuối kỳ và đầu kỳ.

Trị giá vốn thực tế của vật tư hàng hoá nhập kho, xuất kho hàng ngày được phản ánh theo dõi trên tài khoản "mua hàng". Việc xác định trị giá vốn thực tế của vật tư hàng hoá xuất kho không căn cứ vào chứng từ xuất kho mà căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối kỳ để tính theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Số lượng} & & \text{Số lượng} & & \text{Số lượng} & & \text{Số lượng} \\ \text{hàng xuất} & = & \text{hàng tồn} & + & \text{hàng nhập} & - & \text{hàng tồn} \\ \text{kho} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Sau đó căn cứ vào đơn giá xuất theo phương pháp xác định trị giá vốn hàng xuất đã chọn để tính ra trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho.

a) Tài khoản sử dụng :

+ TK 611- mua hàng : Dùng để phản ánh trị giá nguyên liệu, vật liệu công cụ, dụng cụ, hàng hoá mua vào trong kỳ .

TK này không có số dư, được mở chi tiết cho 2 TK cấp 2

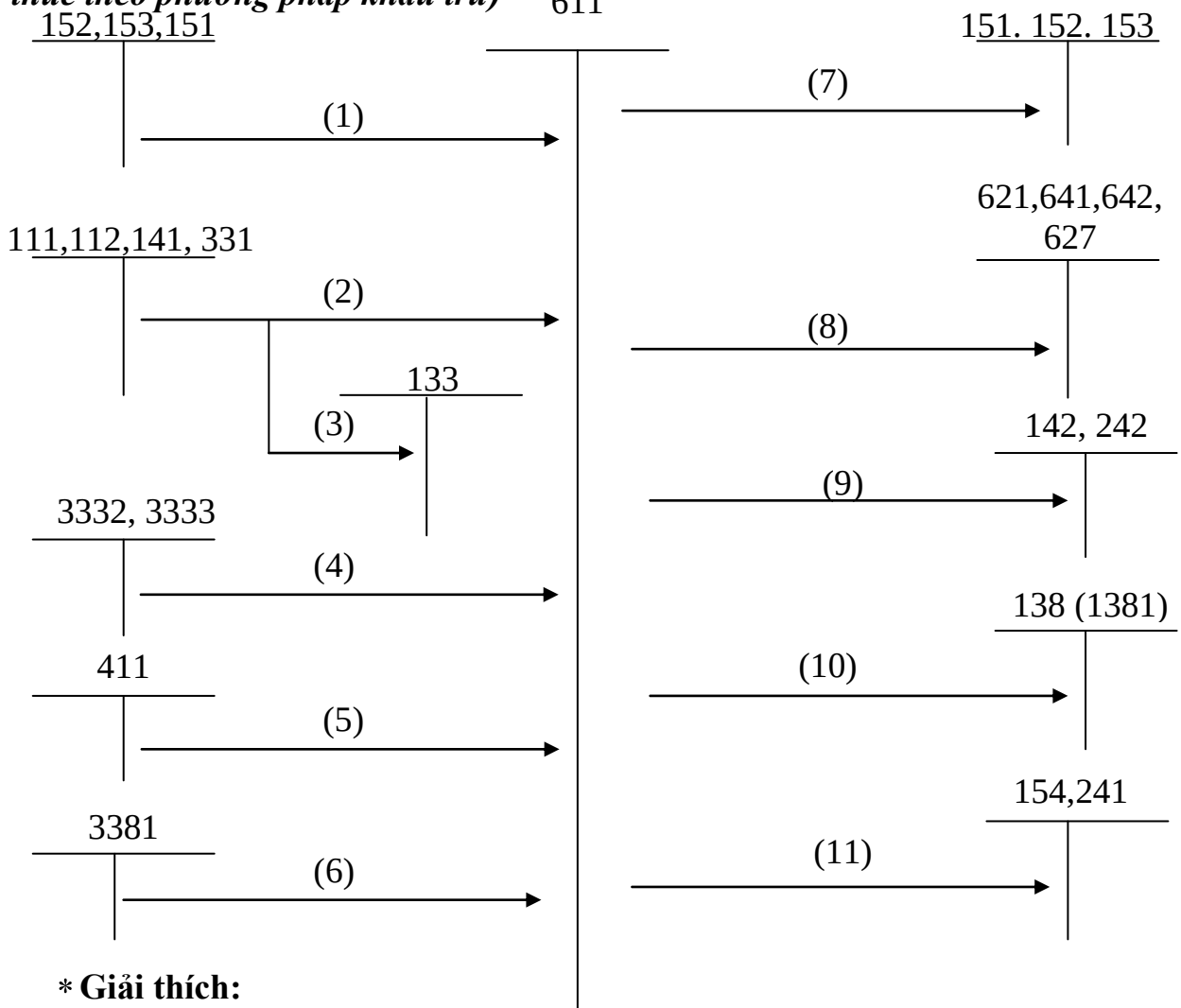
TK 6111- Mua NVL, CCDC

TK 6112 - Mua hàng hoá

Các TK liên quan khác: TK 111, TK 112, TK 128, TK 222, TK 142, TK 242, TK 621, TK 642, TK 331...

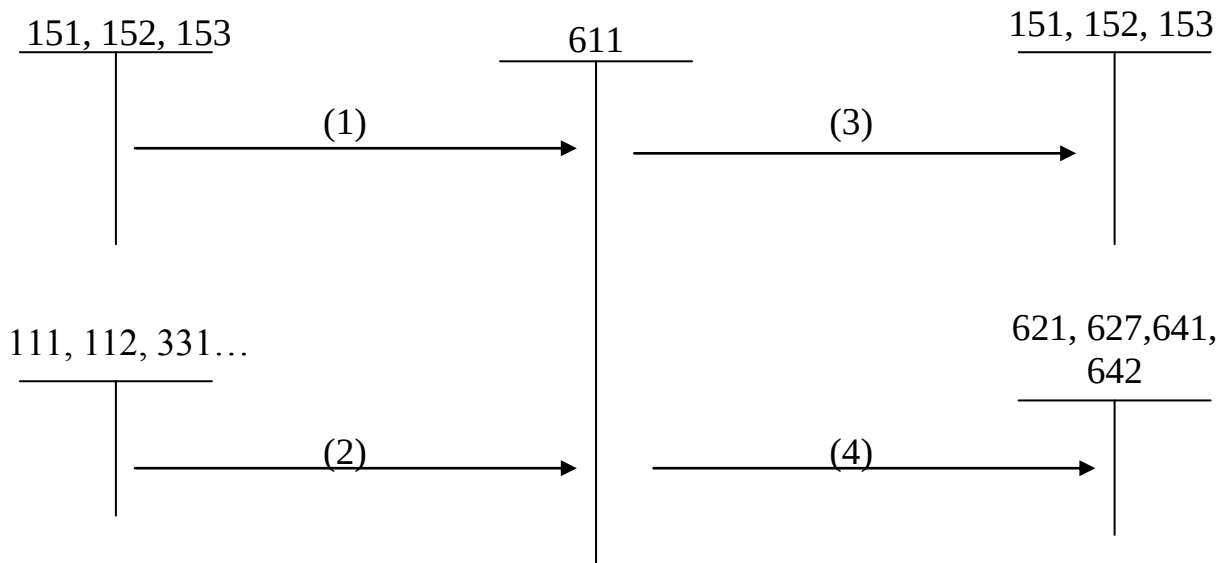
<u>Nợ</u>	<u>TK611</u>	<u>Có</u>
- Kết chuyển trị giá thực tế của vật tư, hàng hóa tồn kho đầu kỳ. - Trị giá thực tế của vật tư, hàng hóa mua vào trong kỳ, hàng hóa đã bán bị trả lại		- Kết chuyển trị giá thực tế của vật tư, hàng hóa tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê). - Trị giá thực tế của vật tư, hàng hóa xuất bán trong kỳ hoặc trị giá thực tế của hàng hóa xuất bán (chưa xác định là tiêu thụ trong kỳ). - Trị giá vật tư hàng hóa mua vào trả lại cho người bán hoặc được giảm giá

Sơ đồ 1.6: Kế toán tổng hợp NVL, CCDC theo phương pháp KKĐK (tính thuế theo phương pháp khấu trừ)



- (1) Kết chuyển giá trị NVL, CCDC tồn kho đầu kỳ
- (2) Trị giá NVL, CCDC mua vào trong kỳ
- (3) Thuế GTGT được khấu trừ
- (4) Thuế nhập khẩu, thuế TTĐB của NVL, CCDC nhập khẩu phải nộp vào NSNN
- (5) NVL, CCDC được cấp phát hoặc nhận vốn góp liên doanh
- (6) NVL, CCDC phát hiện thừa khi kiểm kê chờ xử lý
- (7) Kết chuyển giá trị NVL, CCDC tồn kho cuối kỳ
- (8) Xuất kho NVL, CCDC (giá trị không lớn) dùng cho sản xuất kinh doanh
- (9) CCDC xuất kho dùng cho sản xuất kinh doanh phải phân bổ dần
- (10) NVL, CCDC phát hiện thiếu khi kiểm kê chờ xử lý
- (11) Xuất kho NVL, CCDC thuê ngoài gia công.

Sơ đồ 1.7: Kế toán tổng hợp NVL, CCDC theo phương pháp KKĐK (tính thuế theo phương pháp trực tiếp)



*** Giải thích:**

- (1) Kết chuyển giá trị NVL, CCDC tồn kho đầu kỳ
- (2) Giá trị NVL, CCDC tăng thêm trong kỳ (tổng giá thanh toán)
- (3) Kết chuyển giá trị NVL, CCDC tồn kho cuối kỳ
- (4) trị giá NVL, CCDC thực tế xuất kho dùng cho sản xuất kinh doanh

1.2.6. Các hình thức ghi sổ kế toán NVL và CCDC

Trên thực tế hiện nay, các DN có thể áp dụng ghi sổ kế toán theo một trong 5 hình thức kế toán mà Bộ Tài chính ban hành sau:

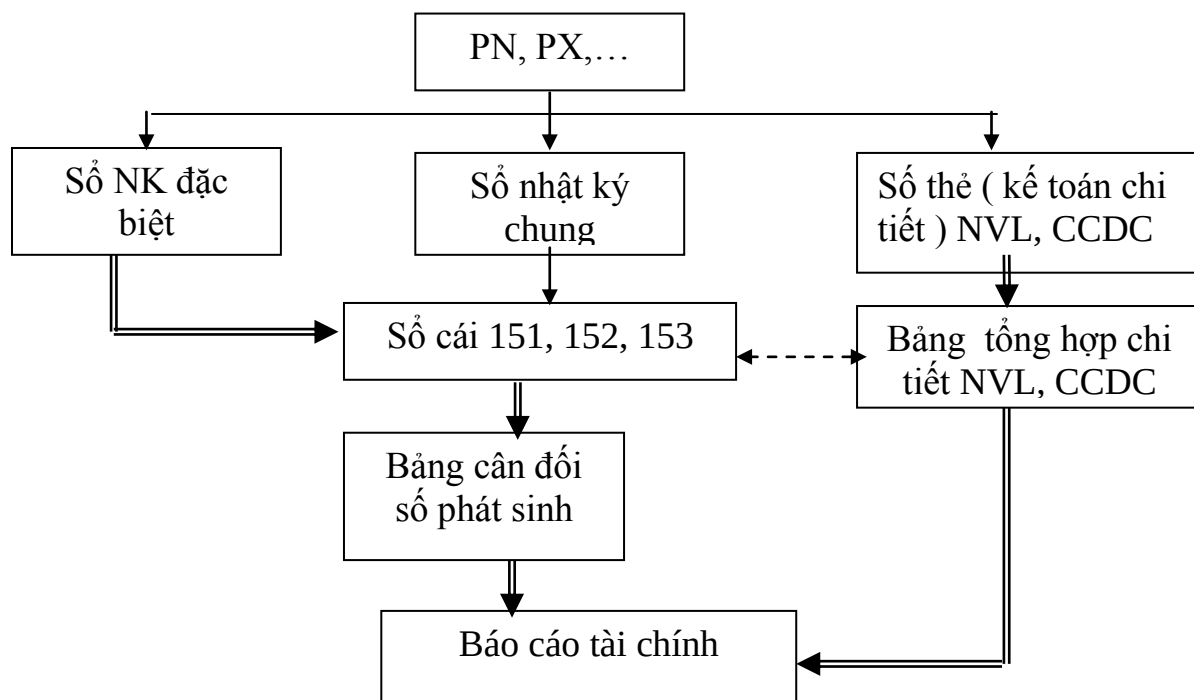
- Hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.
- Hình thức sổ kế toán Nhật ký sổ cái.
- Hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ.
- Hình thức sổ kế toán Nhật ký chứng từ.
- Hình thức kế toán máy

1.2.6.1. Hình thức ghi sổ kế toán NVL, CCDC theo hình thức nhật ký chung (NKC).

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán NKC là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó,

sau đó lấy các số liệu trên các sổ nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán NVL, CCDC theo hình thức NKC.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- =====→ Ghi định kỳ
- ←-----→ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày căn cứ vào PN, PX,... trước hết ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung sau đó căn cứ vào sổ NKC để ghi vào sổ cái theo các tài khoản 151, 152, 153. Đồng thời với việc ghi vào NKC, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ chi tiết NVL, CCDC.

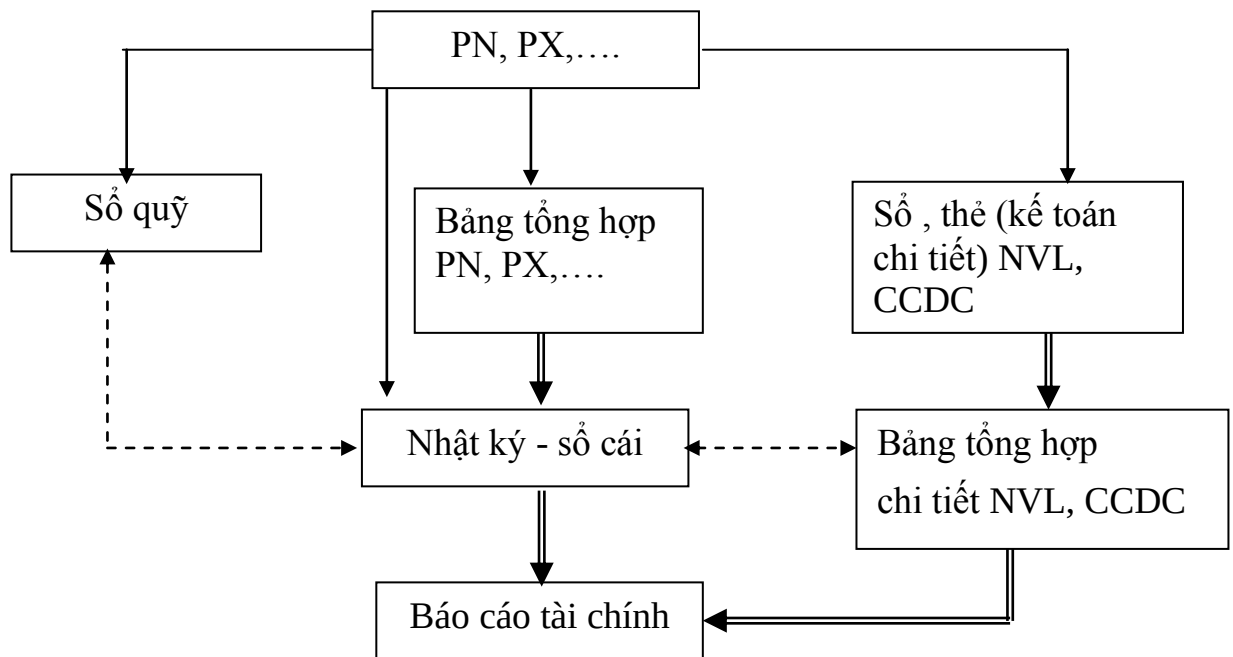
- Nếu đơn vị mở các sổ nhật ký đặc biệt thì hàng ngày căn cứ PN, PX,..., ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký đặc biệt liên quan đến định kỳ 3,5,10 ngày hoặc cuối tháng tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh. Từ nhật ký đặc biệt ghi vào các tài khoản phù hợp trên sổ cái.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng đối chiếu số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu, khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ kế toán chi tiết) được dùng để lập báo cáo tài chính.

1.2.6.2. Hình thức ghi sổ kế toán NVL, CCDC theo hình thức nhật ký sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức nhật ký sổ cái là các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là nhật ký- sổ cái.

Căn cứ để ghi vào các sổ nhật ký, sổ cái là các chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp chứng từ gốc

Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán NVL CCDC theo hình thức nhật ký sổ cái

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ====> Ghi định kỳ
- ←-----> Đối chiếu kiểm tra

Hàng ngày kế toán căn cứ vào PN, PX,.... hoặc Bảng tổng hợp PN, PX,.... đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái 151, 152, 153. Các PN, PX,.... hoặc Bảng tổng hợp PN, PX,.... sau khi đã ghi Sổ Nhật ký - Sổ Cái, được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán NVL, CCDC.

Cuối tháng kế toán căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của tài khoản 151, 152, 153 trên Nhật ký - Sổ Cái.

1.2.6.3. Hình thức ghi sổ kế toán NVL, CCDC theo hình thức chứng từ ghi sổ (CTGS).

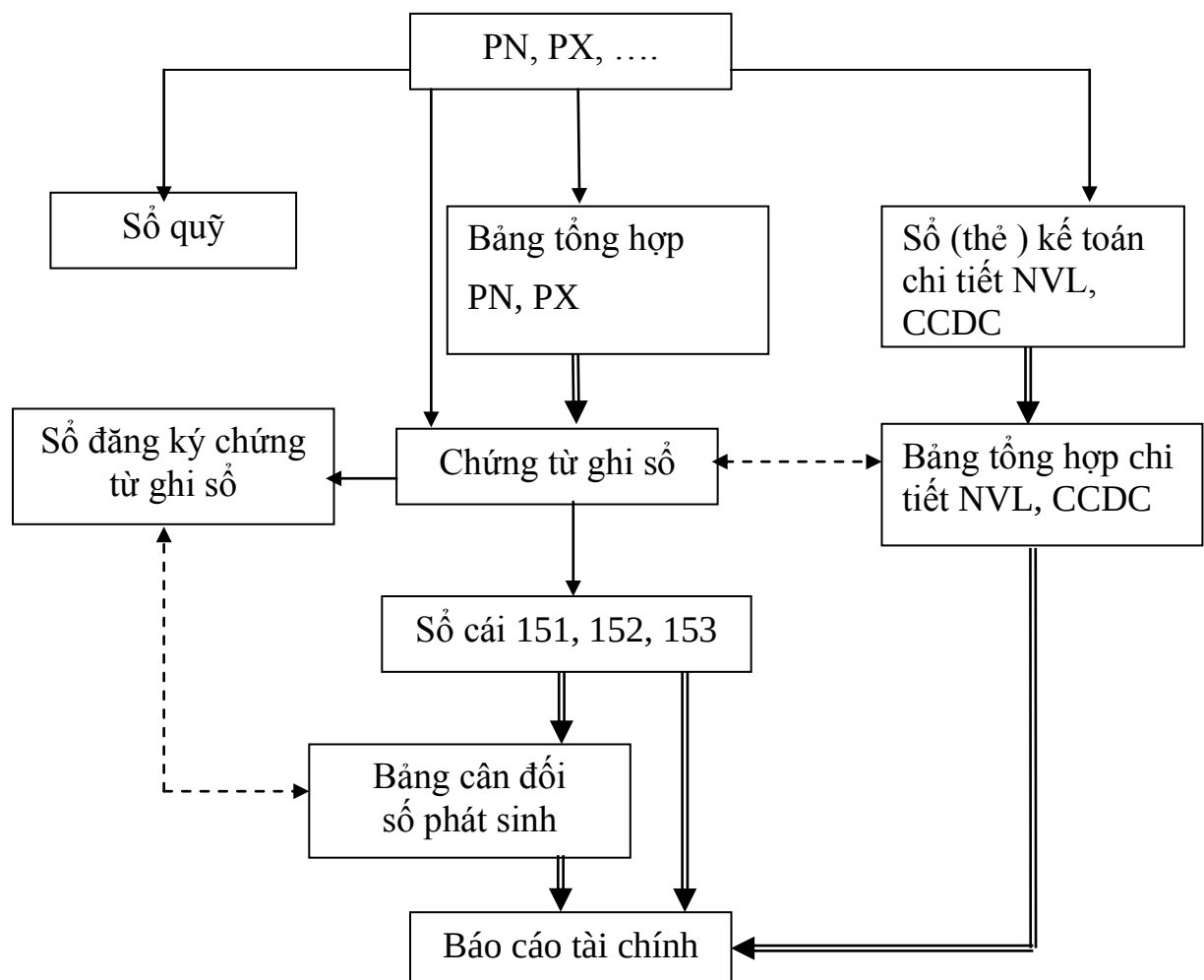
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán chứng từ ghi sổ là có căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “ chứng từ ghi sổ” việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm.

- + Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo trình tự nội dung kinh tế trên sổ cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán tổng hợp lập trên cơ sở từng chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp các chứng từ gốc cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

- Chứng từ ghi sổ được đánh số liệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ gốc đính kèm theo phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán NVL CCDC theo hình thức CTGS.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- =====→ Ghi cuối tháng
- ←-----→ Đối chiếu kiểm tra

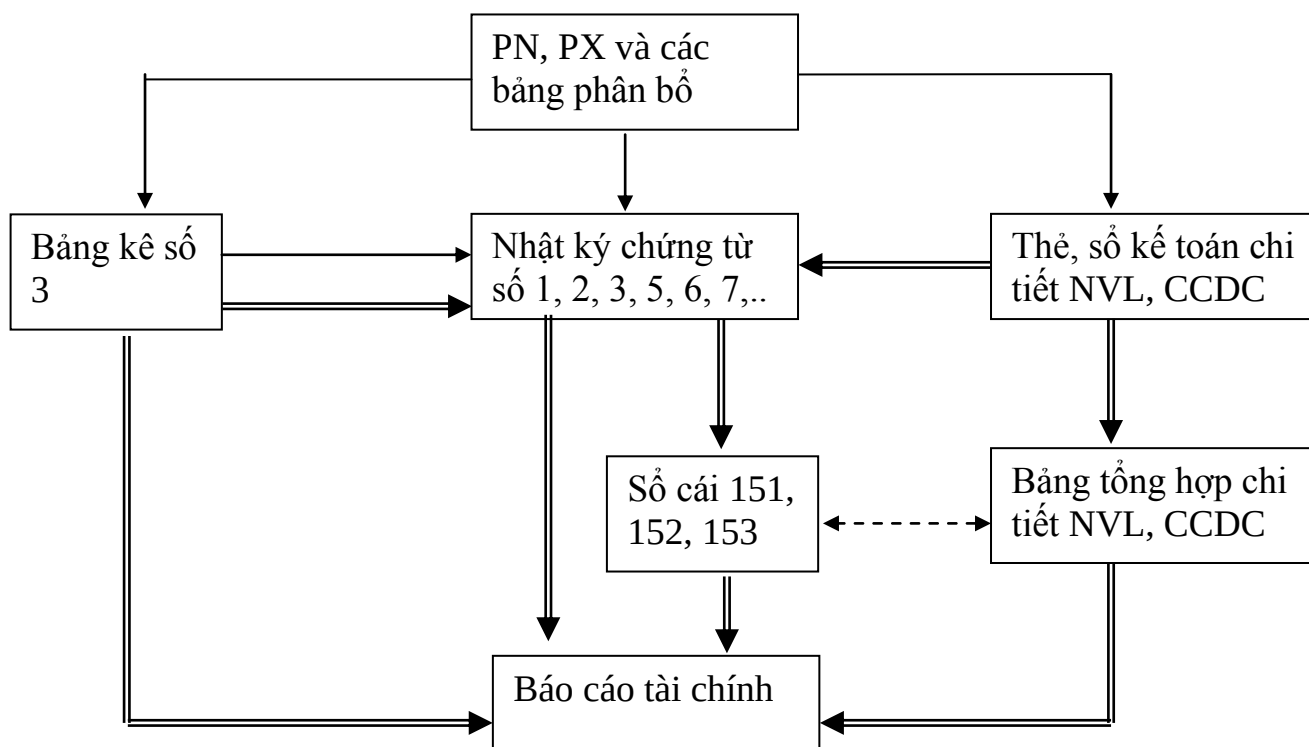
Hàng ngày căn cứ vào PN, PX hoặc bảng tổng hợp PN, PX kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái tài khoản 151, 152, 153. Các PN, PX sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào các sổ (thẻ) kế toán chi tiết NVL, CCDC.

- Cuối tháng phải khoá sổ, tính số phát sinh bên nợ, bên có và số dư của các TK151, 152, 153 trên sổ cái.

- Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết NVL, CCDC được dùng để lập báo cáo tài chính.

1.2.6.4. Hình thức ghi sổ kế toán NVL, CCDC theo hình thức nhật ký chứng từ.

- Các nguyên tắc cơ bản.
 - + Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bên có của các TK kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng nợ.
 - + Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian về việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.
 - + Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết.
 - + Sử dụng các mẫu sổ in sẵn, các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế tài chính và lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán NVL CCDC theo hình thức NKCT.**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày
- =====→ Ghi định kỳ
- > Đối chiếu kiểm tra

Hàng ngày căn cứ vào các PN, PX ghi trực tiếp vào các nhật ký chứng từ số 1, 2, 3, 5, 6, 7 hoặc bảng kê số 3, sổ chi tiết NVL, CCDC.

Cuối tháng đối chiếu số liệu trên các nhật ký chứng từ với các sổ kế toán chi tiết NVL, CCDC, bảng tổng hợp chi tiết NVL, CCDC và lấy số liệu tổng cộng của các nhật ký chứng từ ghi trực tiếp vào sổ cái 151, 152, 153.

Số liệu tổng cộng trong sổ cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong nhật ký chứng từ, bảng kê và các bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

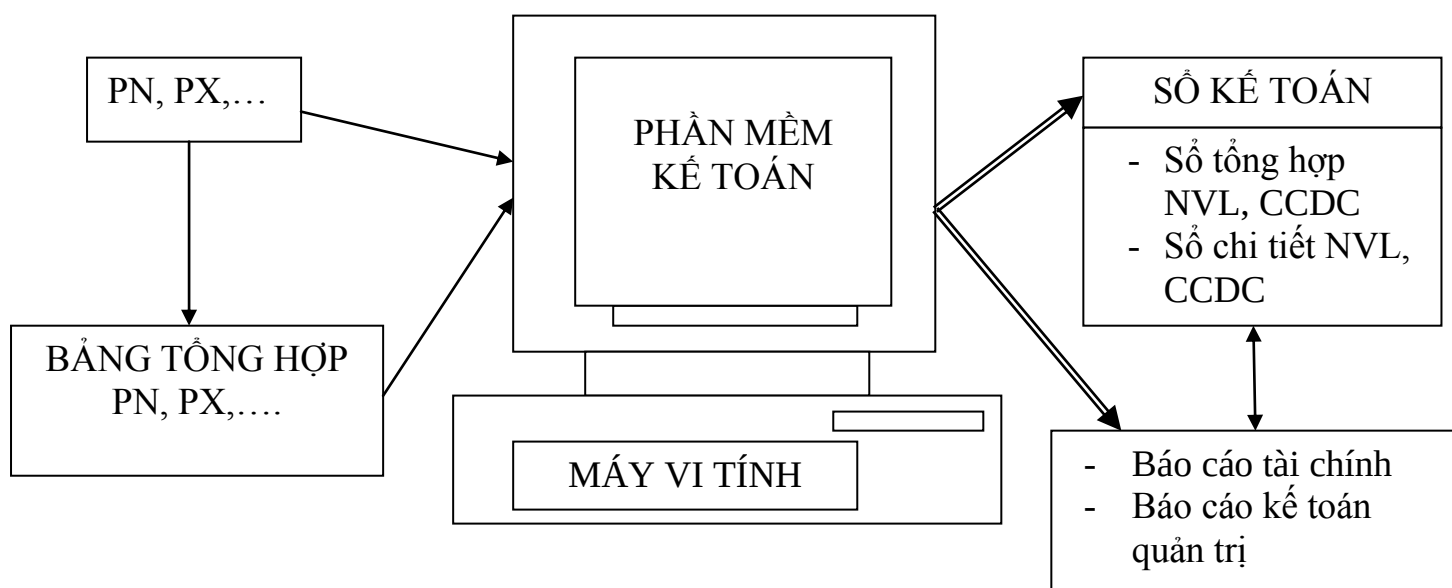
1.2.6.5. Hình thức ghi sổ kế toán NVL, CCDC theo hình thức kế toán máy

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Trình tự ghi sổ kế toán NVL và CCDC có thể khái quát theo sơ đồ sau (sơ đồ 1.12):

Sơ đồ 1.12: *Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán NVL CCDC theo hình thức kế toán máy*



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- =====→ In báo cáo cuối tháng, cuối năm
- > Đối chiếu kiểm tra

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào PN, PX hoặc Bảng tổng hợp PN, PX đã được kiểm tra để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết NVL, CCDC.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

CHƯƠNG 2:**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NVL VÀ CCDC TẠI
CÔNG TY TNHH MTV ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG****2.1. Khái quát chung về công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG (được chuyển đổi từ công ty Hải Long theo quyết định số 2575/QĐ-BQP ngày 17/7/2010 của Bộ Quốc phòng) Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAI LONG BUILDING AND REPAIRING SHIP ONE MEMBER LIMITED LIABILITY COMPANY

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG.

Mã số thuế: 0200109519

Địa chỉ trụ sở chính: Số 108 đường Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, Hải Phòng.

Điện thoại: 031.3842132

Fax: 031.3841667

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long là một doanh nghiệp quốc phòng chuyên sửa chữa và đóng mới tàu chiến của quân chủng Hải Quân, là cơ sở duy nhất của Hải quân nhân dân Việt Nam tiếp quản từ một cơ sở của Pháp để lại sau năm 1954.

Với vị trí địa lý bên bờ sông Cấm thuận lợi về đường sắt, đường bộ và đường thủy cùng với sự phát triển của thành phố Hải Phòng nói riêng và của đất nước nói chung, nơi đây cũng là trung tâm của ngành công nghiệp đóng tàu Việt Nam, là thành phố nằm trong tam giác công nghiệp Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Do đó, Công ty có vị thế rất thuận lợi phát triển theo những chức năng kinh doanh, theo ngành nghề kinh doanh đã được đăng ký.

Sau năm 1954 Hải quân nhân dân Việt Nam tiếp quản và trực tiếp giao cho công ty Đóng và sửa chữa tàu Hải Long làm cơ sở đảm bảo kỹ thuật chủ yếu cho các tàu của quân chủng Hải quân. Kể từ đó công ty Đóng và sửa chữa tàu Hải Long sửa chữa và đóng mới các loại tàu thủy ra đời.

Trong giai đoạn 1954 đến 1975 hơn 20 năm với nhiệm vụ, trọng trách của Đảng, Nhà nước; Quân đội trực tiếp là Quân chủng Hải quân giao phó vừa sản xuất vừa chiến đấu chống trả lại các cuộc chiến tranh leo thang bắn phá miền Bắc của đế quốc Mỹ nhằm chặn đứng cửa ngõ thông thương quốc tế cũng như nội địa của nước ta. Trong cuộc chiến đấu bảo vệ tổ quốc đã có không ít tấm gương anh hùng đã hy sinh và cơ sở hạ tầng của công ty cũng bị phá hủy sau những trận bom của đế quốc Mỹ. Phát huy bản chất truyền thống đánh giặc ngoại xâm của dân tộc, đội ngũ cán bộ, công nhân viên của công ty phát huy tốt bản lĩnh kiên cường, vừa chiến đấu vừa sản xuất tất cả vì miền Nam ruột thịt, năng suất sản xuất, hiệu quả lao động ngày một nâng cao và đã được Đảng, Nhà nước và Quân chủng Hải quân tặng nhiều huân chương, huy chương các loại.

Trong những năm gần đây đáp ứng nhu cầu đòi hỏi cao của công nghệ tiên tiến

hiện đại trên thế giới công ty đã được Đảng, Nhà nước và Bộ quốc phòng, Quân chủng Hải quân tập trung đầu tư mở rộng, nâng cao mặt bằng sản xuất, trang bị nhiều máy móc, công nghệ hiện đại, đảm bảo nâng cao năng lực sản xuất của công ty với hàng loạt nhà xưởng, hàng trăm mét đường giao thông nội bộ được làm mới đặc biệt là hệ thống cầu cảng: tiêu, ụ chìm, đảm bảo cho các tàu có trọng tải lớn (trên 1000 tấn) lên xuống an toàn. Công ty Đóng và sửa chữa tàu Hải Long đã nhiều năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trên giao và nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày thành lập, công ty đã vinh dự được Đảng và nhà nước tặng thưởng Huân chương anh Hùng trong thời kỳ đổi mới.

Với thị phần ngày càng mở rộng ngày nay Công ty Đóng và sửa chữa tàu Hải Long đã vươn lên phát triển lớn mạnh, trở thành một trong những trung tâm đóng và sửa chữa tàu lớn nhất miền Bắc Việt Nam. Công ty Đóng và sửa chữa tàu Hải Long đã được công nhận là doanh nghiệp loại I của Quân chủng Hải quân.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của công ty

Ngành nghề đăng ký kinh doanh đó là:

- Sản xuất các sản phẩm bằng kim loại, gia công cơ khí phục vụ đóng mới và sửa chữa tàu.

- Đóng mới và sửa chữa tàu, phương tiện thủy vỏ thép, vỏ gỗ hợp kim nhôm, vật liệu phi kim loại.
- Các bước công nghệ đóng tàu hiện đại của công ty bao gồm các bước công nghệ đặc trưng sau:
 - Nghiên cứu hồ sơ kỹ thuật và lập phương án thi công.
 - Lập kế hoạch mua sắm vật liệu, máy móc và trang thiết bị tàu
 - Phóng dạng.
 - Chế tạo các chi tiết liên hệ kết, các cụm chi tiết liên khớp.
 - Chế tạo phân đoạn.
 - Lắp ráp thân chính
 - Hàn chì thức thân tàu.
 - Lắp đặt các bộ máy chính, máy phụ.
 - Cầu máy chính, máy phụ vào trong khoang máy.
 - Lấy dấu vị trí tâm, trục chân vịt trên vỏ bao tàu.
 - Lắp ráp thượng tầng 1.
 - Lắp ráp mạn chắn sang
 - Tổng kiểm tra và nghiệm thu phần lắp ráp khung tàu trên khung dàn .
 - Chuẩn bị mặt bằng và thiết bị cho công tác đưa tàu ra khỏi xưởng .
 - Đưa tàu xuống đường triền hạ thủy dọc 400T.
 - Lắp đặt hệ trục chân vịt máy chính máy phụ .
 - Lắp đặt hệ động lực, lắp đặt cabin lái.
 - Lắp đặt hệ kếp, cầu thang, van thông biển.
 - Lắp đặt hệ thống điện.
 - Lắp đặt thiết bị boong.
 - Lắp đặt hệ thống cửa .
 - Lắp đặt bộ phận các thiết bị thông gió, cứu hỏa.
 - Lắp đặt phần nội thất.
 - Làm sạch, sơn tàu, lắp kẽm chống hà, kẻ vẽ thước nước.
 - Tổng kiểm tra nghiệm thu bởi KCS công ty .
 - Nghiệm thu trước khi hạ thủy .

- Hạ tàu thủy.
- Hoàn thiện lắp đặt nội thất, hệ thống điện chiếu sáng và sinh hoạt.
- Hoàn thiện và lắp đặt thiết bị hang hải.
- Hoàn thiện và lắp đặt thiết bị điện tàu.
- Nghiệm thu lắp ráp giai đoạn 2 .
- Đăng kiểm và nghiệm thu lắp ráp điện và ghi khí hàng hải .
- Thử nghiệm lệch, nghiêng để xác định tọa độ tâm tàu.
- Thử máy tại bến .
- Thử đường dài.
- Hoàn chỉnh mọi thủ tục đăng kiểm.
- Bàn giao tàu.

Đặc điểm của doanh nghiệp là sản xuất mặt hàng đơn chiếc theo đơn đặt hàng nên chu trình sản xuất kéo dài có thể từ năm này sang năm khác và có thể cùng một lúc doanh nghiệp thực hiện nhiều đơn đặt hàng.

Trong quá trình hoạt động công ty gặp nhiều thuận lợi và khó khăn:

❖ **Thuận lợi:**

Công ty Đóng và sửa chữa tàu Hải Long là một doanh nghiệp đầu đàn trong hệ thống các công ty trong hải quân, đã nhiều năm liên được công nhận là đơn vị “ sản xuất tốt, quản lý giỏi”.

Bộ máy kế toán của công ty phù hợp với yêu cầu công việc và kỹ năng, trình độ của từng người. Với nhiệm vụ giám đốc và phản ánh tình hình sử dụng vật tư, tiền vốn, lao động, thu nhập. Phòng Tài chính kế toán luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Công tác kế toán đã đi vào nề nếp. Hệ thống kế toán được phản ánh ghi chép đầy đủ theo đúng quy định, sổ sách kế toán được in, đóng quyển cùng với các chứng từ được đóng thành tập, lưu trữ gọn gàng thuận tiện cho việc xem xét số liệu.

Công ty đã đảm bảo được sự lãnh đạo thống nhất tập trung trong công tác kế toán. Đồng thời phát huy đầy đủ vai trò, chức năng tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân công lao động, chuyên môn hoá và nâng cao trình độ của cán bộ kế toán đồng

đều. Hơn nữa với đội ngũ nhân viên kế toán có kinh nghiệm, có trình độ năng lực nghiệp vụ, nhiệt tình trung thực đã góp phần tích cực vào công tác hạch toán quản lý kinh tế có hiệu quả của công ty.

❖ **Khó khăn:**

Bên cạnh những thuận lợi trên công ty còn gặp phải một số khó khăn như:

Do đặc thù là doanh nghiệp quốc phòng nên các sản phẩm đầu ra không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào nên chi phí về thuế GTGT được hạch toán vào trong giá thành vì thế chi phí nguyên vật liệu bao gồm cả thuế GTGT đầu vào do đó làm tăng giá thành sản phẩm.

Tuy đã nâng cấp nhiều TSCĐ nhưng công ty vẫn còn nhiều những TSCĐ do trên cấp hoặc từ nguồn dự trữ. Hầu như các máy móc đã cũ, công suất không cao mà hay phải sửa, các chi phí này tính vào giá thành nên làm tăng giá thành sản phẩm.

2.1.3. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty

Đối với các doanh nghiệp, công nghệ sản xuất và quản lý là vấn đề rất quan trọng, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất nói chung cũng như công tác kế toán nói riêng. Quy trình công nghệ quyết định việc đầu tư sản xuất, hiệu quả đầu tư và đặc biệt trong lĩnh vực quản lý.

Công ty Đóng và sửa chữa tàu Hải Long đã xây dựng một công nghệ đóng mới sửa chữa tàu khép kín được bắt đầu từ lúc chạy thử khảo sát động lực, tiếp nhận tàu và đóng mới sửa chữa đến lập kế hoạch đóng mới, nghiệm thu bàn giao.

Trong một vài năm gần đây để tự khẳng định mình và đứng trước những khó khăn của nền kinh tế đất nước, sự cạnh tranh khốc liệt của nền kinh tế thị trường. Công ty Đóng và sửa chữa tàu Hải Long tăng cường đầu tư đổi mới công nghệ, cử nhiều cán bộ đầu ngành và công nhân lành nghề sang các nước Đông Âu kể cả một số nước Tây Âu có nền công nghiệp đóng tàu phát triển học tập công nghệ đóng tàu và nâng cao công nghệ đóng tàu có trọng tải lớn, tàu cao tốc có vỏ hợp kim. Tháng 8/1999 Công ty Đóng và sửa chữa tàu Hải Long cắt băng khánh thành bàn giao và đưa vào sử dụng một nhà xưởng đóng tàu cao tốc vỏ hợp kim khép kín từ việc đấu hạ liệu, phóng dạng, lắp ráp tổng đoạn, gắn máy trang trí nội thất, sơn tàu,

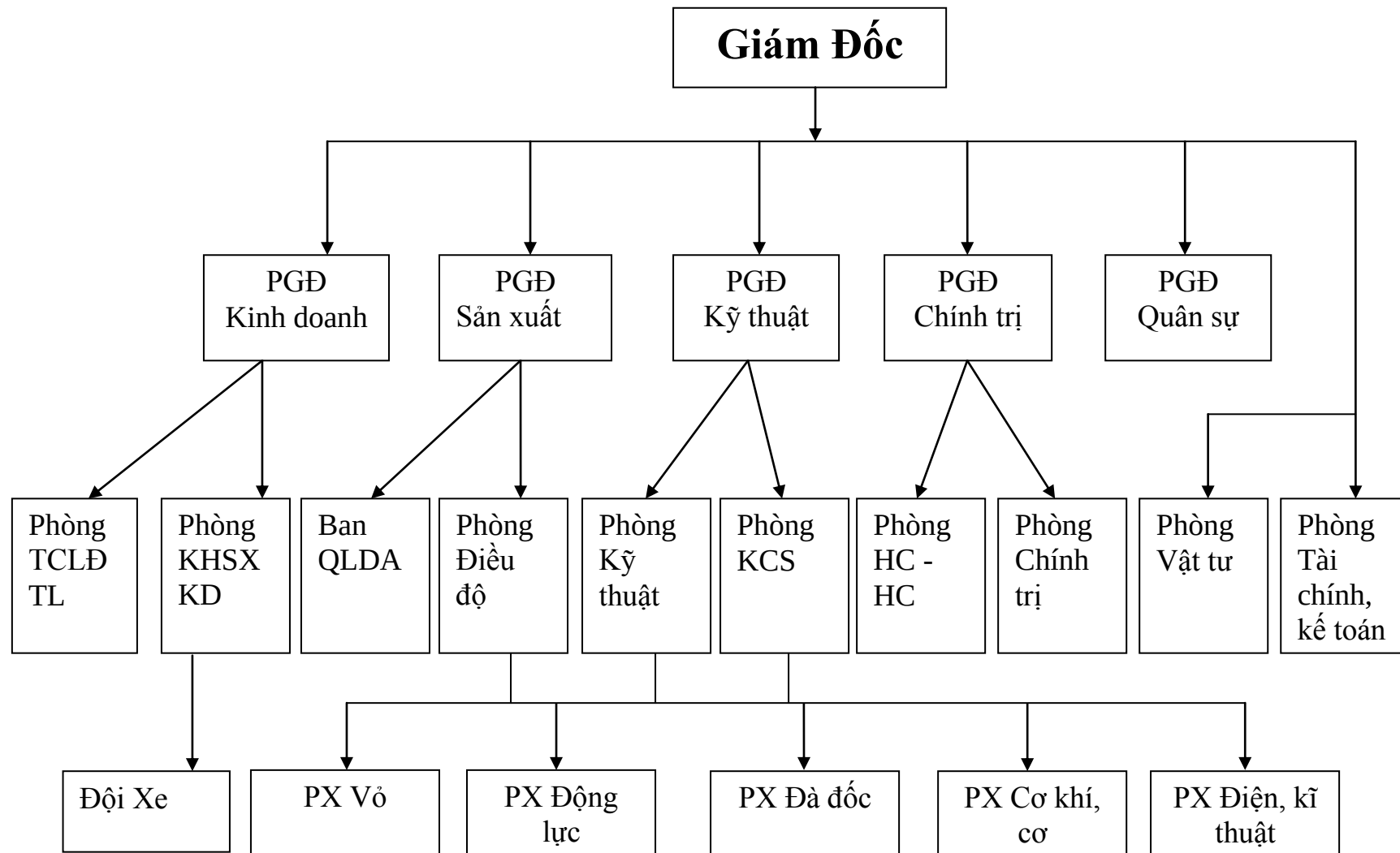
đến hạ thủy, chạy thử bàn giao. Đây là dây chuyền công nghệ cao phục vụ đóng tàu chiến của Liên bang Nga giúp ta. Nó còn đòi hỏi tính chính xác cao trong sản xuất, căn chỉnh trọng tâm của tàu đảm bảo khi xuất xưởng hạ thủy chạy thử và bàn giao đạt chất lượng tuyệt đối về yêu cầu, kỹ thuật và chất lượng.

Tài sản của công ty do nhà nước bàn giao cho Công ty Đóng và sửa chữa tàu Hải Long và người lao động quản lý và sử dụng để phát triển sản xuất kinh doanh trong đó giám đốc là người chịu trách nhiệm chính cùng tập thể những người lao động sử dụng đúng đắn hợp lý, hiệu quả các loại vật tư, lao động, tiền vốn cho nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Công ty có trách nhiệm bảo toàn vốn và làm trách nhiệm đối với nhà nước theo đúng chế độ hiện hành. Công ty quan tâm đến mục tiêu lợi nhuận và các mục tiêu xã hội dân sinh môi trường sinh thái và các vấn đề khác.

2.1.4.Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Công ty có đội ngũ công nhân viên hầu hết đã qua các trường lớp đào tạo cơ bản, đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật đều có trình độ đại học và trên đại học.

Hiện nay công ty có 9 phòng ban và 5 phân xưởng (sơ đồ 2.1).

Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của Công ty TNHH MTV Đóng và sửa chữa tàu Hải Long

Chức năng, nhiệm vụ của mỗi bộ phận như sau:

❖ **Giám đốc:**

Giám đốc chịu trách nhiệm chung và chỉ đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, thông qua năm đồng chí phó giám đốc và các phòng, ban, quân đội, quân chủng Hải quân và tập thể những người lao động về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn nhà máy, điều hành nhà máy theo kế hoạch đã được phê duyệt. Chấp nhận nghị quyết của Đảng ủy, nghị quyết của đại hội công nhân viên chức, chịu trách nhiệm trước nhà nước và cán bộ công nhân viên về quản lý tài sản, lao động, vật tư, tiền vốn, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn lao động của toàn công ty, đề nghị tăng giảm đội ngũ công nhân cho phù hợp với công việc của công ty, không ngừng nâng cao chất lượng quản lý. Giám đốc trực tiếp phụ trách các phó giám đốc, phòng tài chính và phòng vật tư.

❖ **Phó giám đốc:**

Chịu trách nhiệm giúp giám đốc theo dõi những công việc chuyên trách được phân công làm tròn nhiệm vụ tham mưu cho giám đốc hoạt động sản xuất kinh doanh và những vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm của mình chỉ đạo các phòng, ban, phân xưởng thực hiện đúng kế hoạch sản xuất và công tác. Thay quyền giám đốc khi giám đốc đi vắng và được ủy quyền ký thay.

Trong đó:

- Phó giám đốc kỹ thuật và phó giám đốc sản xuất: phụ trách công tác kỹ thuật, sản xuất của nhà máy, tổ chức chỉ đạo điều hành sản xuất, trực tiếp phụ trách phòng kỹ thuật, phòng KCS và phòng điều động, đội xe.

- Phó giám đốc kinh doanh: phụ trách công tác kinh doanh của nhà máy, chỉ đạo việc lập dự toán, quyết toán các sản phẩm, xây dựng và quản lý tiền lương và lập kế hoạch cho toàn công ty.

- Phó giám đốc chính trị: Phụ trách công tác Đảng, công tác chính trị, công tác an ninh nội bộ của nhà máy, trực tiếp phụ trách phòng chính trị, phòng tài chính, phòng hậu cần.

- Phó giám đốc quân sự: Phụ trách công tác nghĩa vụ quân sự của các đồng chí cán bộ, công nhân trong công ty.

❖ Khối phòng ban:

Các phòng ban nghiệp vụ theo chức trách, nhiệm vụ của mình giúp giám đốc trong việc nắm chắc tình hình, cung cấp thông tin để giám đốc ra quyết định chính xác về đường lối sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp:

- Phòng KTCN: chịu trách nhiệm về công tác kỹ thuật của các sản phẩm sửa chữa và đóng mới tại công ty và công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật.
- Phòng KH-LĐ: chịu trách nhiệm về công tác kế hoạch công tác giá thành, công tác thị trường, công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng, công tác quản lý lao động, chế độ chính sách và công tác đào tạo huấn luyện của công ty.
- Phòng điều độ sản xuất: chịu trách nhiệm về công tác điều độ sản xuất, công tác an toàn bảo hộ lao động, công tác quản lý máy móc thiết bị của công ty.
- Phòng KCS: chịu trách nhiệm kiểm tra, nghiệm thu đánh giá chất lượng sản phẩm sản xuất và chế tạo tại công ty.
- Đội xe: là đơn vị quản lý và sử dụng các phương tiện vận tải phục vụ quá trình sản xuất và công tác của công ty.
- Phòng vật tư: chịu trách nhiệm mua cung ứng vật tư theo dự trù và định mức của các phòng ban nghiệp vụ liên quan để đảm bảo quá trình sản xuất không bị gián đoạn.
- Phòng tài chính kế toán: là cơ quan tham mưu và đồng thời chịu trách nhiệm quản lý tài chính của công ty.
- Phòng HCHC: là cơ quan tham mưu đồng thời là cơ quan quản lý, tổ chức thực hiện công tác hành chính hậu cần của công ty.
- Phòng chính trị: là cơ quan chủ trì thực hiện công tác đoàn, công tác chính trị của công ty.

❖ Các phân xưởng:

Là đơn vị trực tiếp sản xuất chuyên môn hoá theo chuyên ngành được phân công.

- Phân xưởng động lực: sửa chữa và đóng mới phần máy thiết bị động lực, thi công lắp đặt phần van ống và hệ trục chân vịt, hệ lái.

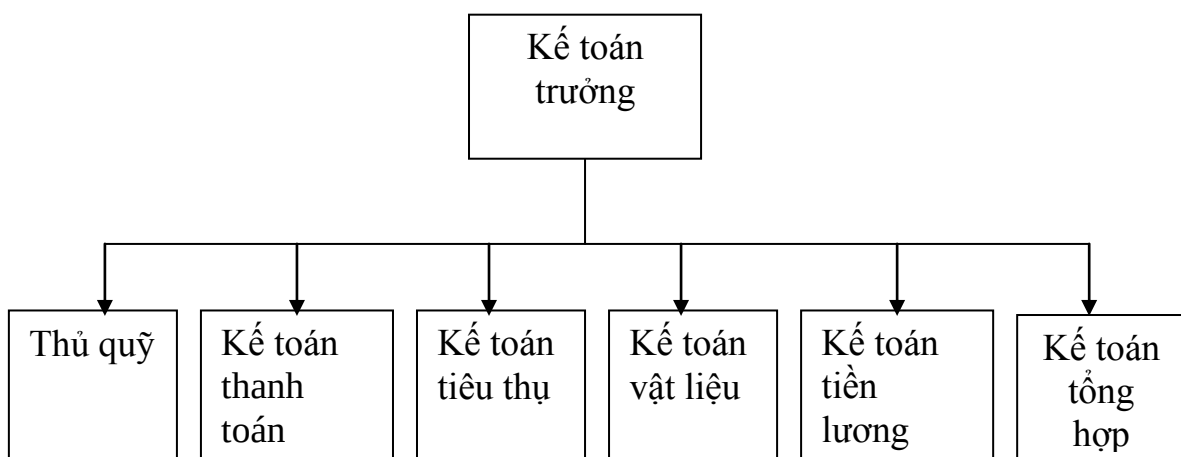
- Phân xưởng vỏ tàu: sửa chữa và đóng mới phần vỏ tàu và các kết cấu liên quan đến vỏ tàu.
- Phân xưởng đà đốc: sửa chữa và đóng mới phần mộc, sơn trang trí và chịu trách nhiệm đưa các tàu lên, xuống triền hoặc ra đà đốc.
- Phân xưởng cơ khí - cơ điện: gia công các chi tiết cụm chi tiết phục vụ công tác sửa chữa và đóng mới tàu và chịu trách nhiệm sửa chữa máy móc thiết bị và điện của công ty.
- Phân xưởng điện - khí tài: sửa chữa và đóng mới phần điện thiết bị thông tin hàng hải.

2.1.5.Đặc điểm công tác kế toán tại công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long

2.1.5.1.Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Tổ chức bộ máy kế toán của công ty theo mô hình tổ chức kế toán tập trung (sơ đồ 2.2). Toàn công ty có một phòng tài chính kế toán, mọi chứng từ số liệu gửi về phòng tài chính kế toán, tại đây sẽ tổ chức mọi hoạt động thống kê, ghi chép và tập hợp chi phí, tính giá thành sản phẩm và các công tác kế toán khác.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ mô hình tổ chức bộ máy kế toán Công ty TNHH MTV Đóng và sửa chữa tàu Hải Long



Tài chính doanh nghiệp là hệ thống các mối quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình phân phối các nguồn tài chính của doanh nghiệp. Chính vì thế việc phân cấp quản lý tài chính kế toán được Công ty rất chú trọng.

Chức năng, nhiệm vụ của công nhân viên trong phòng tài chính kế toán của Công ty:

❖ Kế toán trưởng:

- Bao quát chung toàn bộ diễn biến của các mặt tài chính của nhà máy.
- Chịu trách nhiệm trước giám đốc doanh nghiệp về công tác kế toán tài chính của nhà máy.
- Nộp báo cáo tài chính định kỳ.
- Lập kế hoạch và báo cáo thường xuyên cho giám đốc tình hình chỉ tiêu tại công ty.
- Báo cáo những vướng mắc trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và phối hợp với các bộ phận, phòng ban khác đề xuất các giải pháp giải quyết các vướng mắc này.

❖ Kế toán thanh toán:

- Theo dõi công nợ khách hàng, các khoản thanh toán liên quan đến tiền mặt, tiền gửi, kê khai thuế giá trị gia tăng đầu vào, đầu ra được chính xác kịp thời, đầy đủ, đẩy nhanh quá trình sản xuất kinh doanh của nhà máy.

❖ Kế toán vật liệu:

- Theo dõi tình hình nhập xuất, số liệu tồn, tổng hợp chi phí về nguyên vật liệu.

❖ Thủ quỹ:

- Xuất, nhập quỹ tiền mặt theo phiếu thu phiếu chi đã được phê duyệt.
- Quản lý, bảo quản tiền mặt
- Lập sổ quỹ và báo cáo quỹ hàng ngày, ghi chép liên tục các khoản thu chi quỹ tiền mặt và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm
- Chịu trách nhiệm về số tồn quỹ trên sổ và số tồn quỹ thực tế.
- lập bảng lương và bảng thanh toán lương cho cán bộ công nhân viên, theo dõi trích nộp BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN.

❖ Kế toán giá thành:

- Tập hợp chi phí và tính giá thành, theo dõi nguồn vốn, tình hình tăng giảm TSCĐ, khấu hao, XDCB.

❖ Kế toán tổng hợp:

- Theo dõi chung các vấn đề liên quan đến tình hình tài chính.
- Tổng hợp số liệu của các kế toán ở từng bộ phận cung cấp để vào sổ cái.
- Lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

2.1.5.2. Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty

Công ty áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ, hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc đã được kiểm tra (các phiếu xuất kho, phiếu thu, phiếu chi...) kế toán vào chứng từ ghi sổ. Chứng từ ghi sổ sau khi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ được sử dụng để ghi vào các sổ kế toán chi tiết và sổ cái.

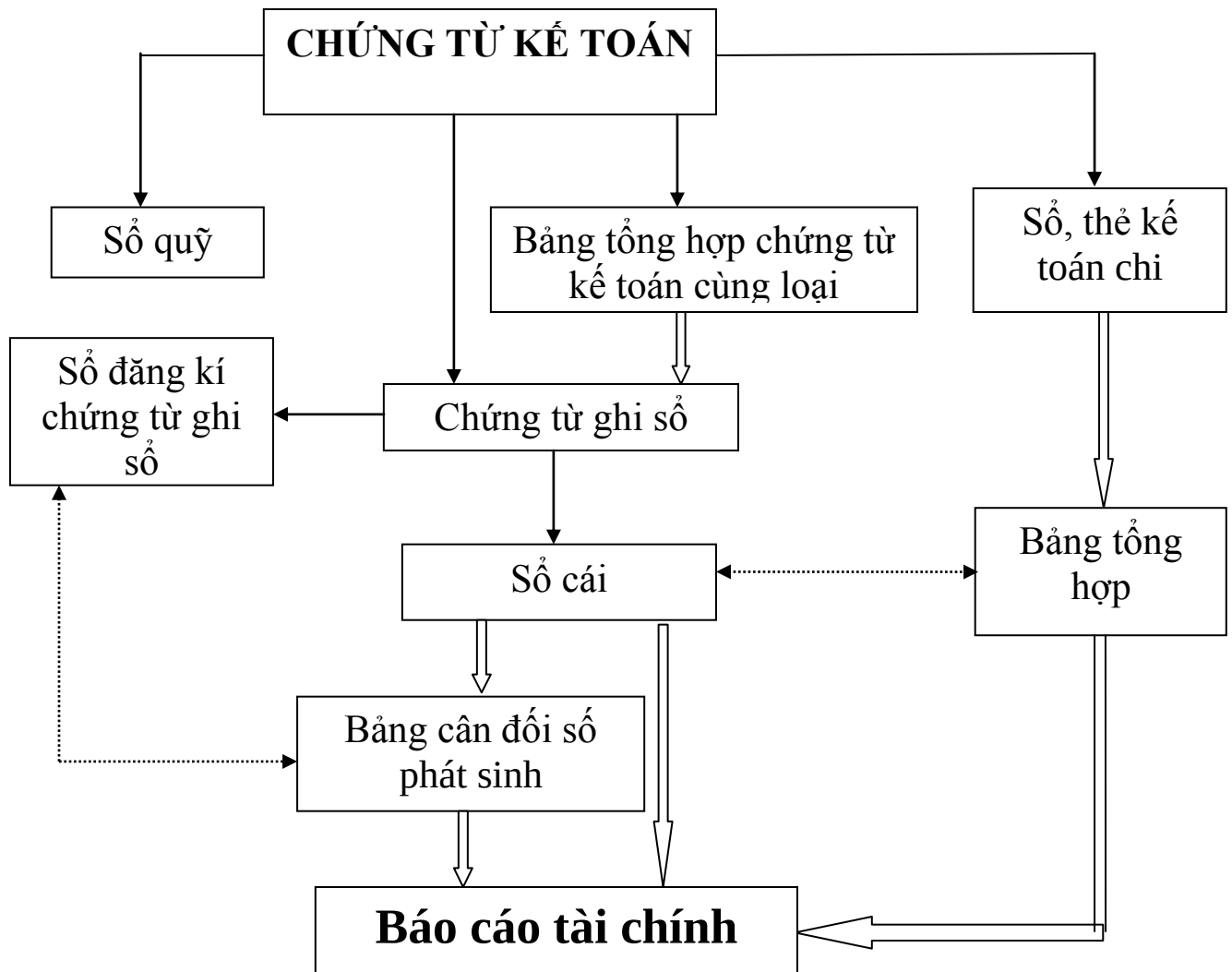
Chu trình hạch toán kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ của nhà máy được khái quát theo sơ đồ sau: (Sơ đồ 2.3)

2.1.5.3. Các chính sách kế toán áp dụng tại công ty

Công ty TNHH MTV Đóng và sửa chữa tàu Hải Long áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

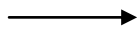
- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Kế toán chi tiết hàng tồn kho: theo phương pháp thẻ song song
- Tính giá hàng xuất kho: theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ
- Tính và nộp thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ
- Tính khấu hao TSCĐ: theo quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính.
- Tính giá thành: theo phương pháp trực tiếp (phương pháp giản đơn)
- Hàng quý kế toán tiến hành lập báo cáo tài chính, hàng năm lập báo cáo tài chính tổng hợp và quyết toán thuế.
- Kế toán hàng tồn kho : theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Sơ đồ 2.3: Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty TNHH MTV Đóng và sửa chữa tàu Hải Long

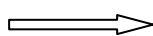


Ghi chú:

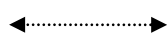
Ghi hàng ngày:



Ghi cuối tháng:



Đối chiếu, kiểm tra:



2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán NVL và CCDC của công ty TNHH MTV Đóng và sửa chữa tàu Hải Long.

2.2.1. Đặc điểm NVL và CCDC của công ty

Công ty TNHH Đóng và sửa chữa tàu Hải Long là một đơn vị chuyên đóng và sửa chữa tàu, xuồng... cho nên nhu cầu về NVL và là rất lớn. Chứng loại NVL cung cấp cho quá trình sản xuất cũng rất đa dạng và phong phú.

Xét về mặt chi phí thì chi phí NVL chiếm từ 70%-80% giá thành sản phẩm và các chi phí NVL chính như sắt, thép, gang, đồng chiếm tỷ trọng cao. Do đó chỉ cần một sự biến động nhỏ chi phí về sắt, thép, gang, đồng cũng làm cho giá thành sản phẩm biến động lớn.

Những đặc điểm trên khiến công tác quản lý NVL của công ty rất chặt chẽ. Công ty quản lý chặt chẽ NVL, sử dụng tiết kiệm có hiệu quả NVL chính để giảm giá thành sản phẩm, góp phần tăng lợi nhuận.

CCDC tại công ty chủ yếu là các loại bảo hộ lao động, còn lại là một số CCDC dùng để phục vụ sản xuất chung, nhưng chiếm tỷ trọng rất nhỏ nên ảnh hưởng không lớn đến giá thành sản phẩm.

2.2.2. Phân loại NVL và CCDC

Để tiến hành sản xuất sản phẩm công ty phải sử dụng nhiều loại vật tư khác nhau với khối lượng vật tư tương đối lớn, trong đó mỗi loại vật tư có vai trò và công dụng khác nhau. Vì vậy để quản lý chặt chẽ, hạch toán chính xác tình hình nhập xuất vật tư, tồn kho vật tư đảm bảo cung cấp kịp thời vật tư một cách khoa học kịp thời cho sản xuất, công ty đã tiến hành phân loại vật tư như sau:

- Nguyên vật liệu chính: Bao gồm sắt, thép, gang, đồng,
- Nguyên vật liệu phụ: Gồm dầu mỡ, que hàn, giẻ lau, sơn các loại,.....
- Nhiên liệu: Bao gồm xăng, dầu diezen, ...
- Phụ tùng thay thế: vòng bi xe, xăm lốp, lốp xe ô tô cũ....
- Công cụ, dụng cụ cho sản xuất: Bảo hộ lao động

2.2.3. Đánh giá NVL và CCDC

* Đối với NVL, CCDC mua ngoài:

Căn cứ vào hoá đơn bán hàng, hoá đơn hoặc chứng từ về chi phí thu mua với hàng hóa trong nước; tờ khai hải quan, phí bảo hiểm, thuế nhập khẩu đối với vật tư nhập khẩu, mà kế toán NVL tiến hành tính giá NVL mua về.

- NVL, CCDC trong nước:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{NVL, CCDC} \end{array} = \begin{array}{l} \text{giá mua chưa có} \\ \text{thuế GTGT} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí mua thực tế (giá chưa có} \\ \text{thuế GTGT)} \end{array}$$

- NVL, CCDC mua do nhập khẩu:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thực tế} & & \text{giá nhập} & & \text{Tỷ giá} & & \text{Thuế nhập} \\ \text{NVL, CCDC} & = & \text{khẩu} & \times & \text{thực tế} & + & \text{khẩu} & + & \text{CP mua} \end{array}$$

Với chi phí mua gồm: chi phí Vận chuyển, chi phí giao nhận hàng hóa nhập khẩu, chi phí mua vật tư (lương cán bộ vật tư), Chi phí khác: (như bảo hiểm, bốc xếp, chi phí hao hụt vật tư).

- Khi xuất NVL, CCDC công ty áp dụng tính giá thực tế xuất kho theo phương pháp giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ.

$$\begin{array}{ccccc} \text{Giá thực tế NVL,} & & \text{Số lượng NVL,} & & \text{Giá đơn vị bình} \\ \text{CCDC xuất dùng} & = & \text{CCDC xuất dùng} & \times & \text{quân của NVL,} \\ & & & & \text{CCDC} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá đơn vị} & & \text{Trị giá gốc NVL, CCDC tồn đầu kỳ và nhập} \\ \text{bình quân cả kỳ dự trữ} & = & \frac{\text{trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL, CCDC tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ}} \end{array}$$

Ví dụ: Vật tư inox cây \$10: số lượng tồn đầu tháng 12 là 2,5m đơn giá 62.150đ/m. Ngày 10/12/2012 công ty nhập thêm 25m với đơn giá là 62.400 đ/m. Ngày 11/12 công ty đã xuất 9,5m cho sản xuất tàu CN09-BPBT.

Vậy theo công thức trên ta có thể tính trị giá inox cây \$10 xuất dùng như sau:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Giá đơn vị} & & 2,5 \times 62.150 + 25 \times 62.400 & & \\ \text{bình quân cả kỳ dự trữ} & = & 2,5 + 25 & = & \mathbf{62.377\text{đ/m}} \end{array}$$

Trị giá thực tế inox cây \$10 xuất dùng = 62.377 x 9,5 = **592.581,5đ**

2.2.4. Kế toán chi tiết NVL và CCDC tại công ty

2.2.4.1. Chứng từ và thủ tục nhập kho

Công ty sử dụng các loại chứng từ và tài liệu sau:

- Phiếu nhập kho (mẫu số 01-VTHH)
- Biên bản kiểm nghiệm (mẫu số 03-VTHD)
- Hoá đơn bán hàng

- Hoá đơn GTGT

- Ngoài ra còn có giấy báo nhận hàng, giấy đề nghị mua hàng...

Tại Công ty TNHH MTV Đông và sửa chữa tàu Hải Long việc cung ứng vật liệu chủ yếu là do mua ngoài, phòng vật tư căn cứ vào kế hoạch sản xuất và định mức vật tư do phòng kỹ thuật công nghệ chuyển xuống để lập kế hoạch mua vật tư. Theo thủ tục nhập kho của Công ty thì vật tư mua về người tiếp liệu sẽ thông báo cho phòng tài chính kế toán và phòng KCS (đối với hàng nhập khẩu), kết hợp với thủ kho để kiểm tra về số lượng và chất lượng vật tư trước khi nhập kho. Sau khi đã kiểm tra đầy đủ, người tiếp liệu căn cứ vào hóa đơn bán hàng hoặc hóa đơn GTGT để lập phiếu nhập kho vật tư. Phiếu nhập kho được lập thành 4 liên với đầy đủ các chữ ký gốc.

Liên 1: Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho

Liên 2: Chuyển lên cho kế toán vật tư làm căn cứ ghi sổ.

Liên 3: Người tiếp liệu giữ để sau này làm căn cứ đề nghị thanh toán và chuyển cho kế toán thanh toán.

Liên 4: Lưu tại cuốn

Ví dụ 1 về nhập NVL: Công ty mua vật tư của Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí chưa trả tiền người bán theo hoá đơn GTGT số 0000183 ngày 20/12/2012 (biểu 2.1), giá chưa thuế GTGT 33.318.540VNĐ, thuế GTGT 3.331.854VNĐ, tổng giá thanh toán 36.650.394VNĐ. Vật liệu đã được kiểm nghiệm (biểu 2.2) và nhập kho đầy đủ theo PN số 1618 (biểu 2.3), số lượng 2.119,5kg.

Ví dụ 2 về nhập CCDC: Công ty mua 600 cái bàn chải sắt tròn = máy của Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Đại An, giá mua chưa thuế GTGT 4.500 đồng/cái, thuế suất thuế GTGT là 10%, công ty chưa thanh toán cho người bán. Vật liệu đã được kiểm nghiệm và nhập kho đầy đủ theo PN số 1225

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT số 0000183**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 2: (Giao cho khách hàng)

Ngày 20 tháng 12 năm 2012

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/11P

Số: 0000183

Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần sản xuất và kinh doanh Kim Khí

MST:

0	2	0	0	7	6	2	7	8	1
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Địa chỉ: Số 6 Nguyễn Trãi – Ngô Quyền – Hải Phòng

Điện thoại:

Fax:

Số tài khoản:

Tại:

Họ và tên người mua hàng: Nguyễn Kiên

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long

MST:

0	2	0	0	1	0	9	5	1	9
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Địa chỉ: Số 3 Phan Đình Phùng - Hồng Bàng Hải Phòng

Hình thức thanh toán: chưa thanh toán

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Thép tấm CT3C d 6	kg	2.119,5	15.720	33.318.540
Cộng tiền hàng:					33.318.540
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 3.331.854
Tổng cộng tiền thanh toán:					36.650.394
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi nghìn, ba trăm chín mươi bốn đồng chẵn					

Người mua hàng**Người bán hàng****Thủ trưởng đơn vị**

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT số 002114**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 2: (Giao cho khách hàng)

Ngày 16 tháng 12 năm 2012

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/11P

Số: 002114

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Đại An

MST:

0	2	0	0	5	3	7	1	8	5
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Địa chỉ: Số 3 lô 10 Nguyễn Thái Học, Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại:

Fax:

Số tài khoản:

Tại:

Họ và tên người mua hàng: Đinh Văn Thương

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long

MST:

0	2	0	0	1	0	9	5	1	9
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Địa chỉ: Số 3 Phan Đình Phùng - Hồng Bàng, Hải Phòng

Hình thức thanh toán:

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Bàn chải sắt tròn = máy	cái	600	4.500	2.700.000
					
Cộng tiền hàng:					2.700.000
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 270.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					2.970.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng**Người bán hàng****Thủ trưởng đơn vị**

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu số 2.3: Biên bản kiểm nghiệm vật tư**Biên bản kiểm nghiệm vật tư***Ngày 20 tháng 12 năm 2012*

Đơn vị bán: Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh kim khí

Hoá đơn số: 0000183

Ban kiểm nghiệm gồm có:

1. Ông: Nguyễn Kiên - nhân viên phòng vật tư.
2. Ông: Nguyễn Văn Biển - thủ kho kim loại
3. Ông: Đỗ Đức Chung - nhân viên phòng KCS.
4. Bà: Ngô Thị Quyên - kế toán vật liệu.

Đã kiểm nghiệm các loại vật tư theo hoá đơn trên để nhập vào kho ông Nguyễn Văn Biển, số liệu cụ thể như sau:

STT	Tên nhãn hiệu quy cách vật tư	Đơn vị	Số lượng	
			Theo hoá đơn	Theo thực tế
1	Thép tấm CT3 d 6	Kg	2.119,5	2.119,5
	Cộng		2.119,5	2.119,5

ý kiến của bản kiểm nghiệm: Số vật tư trên đúng quy cách, chất lượng, số lượng theo hoá đơn, có đủ điều kiện làm thủ tục nhập kho.

Biên bản kết thúc hồi 15h cùng ngày. Biên bản được lập thành 2 bản, mỗi bên giữ một bản có nội dung như nhau.

Thủ kho**Cán bộ vật tư****Phòng KCS****Kế toán***(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long)*

Biểu số 2.4: Biên bản kiểm nghiệm vật tư**Biên bản kiểm nghiệm vật tư***Ngày 16 tháng 12 năm 2012*

Đơn vị bán: Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Đại An

Hoá đơn số: 002114

Ban kiểm nghiệm gồm có:

1. Ông: Đinh Văn Thưởng - nhân viên phòng vật tư.
2. Ông: Nguyễn Đức Chính - thủ kho điện
3. Ông: Đỗ Đức Chung - nhân viên phòng KCS.
4. Bà: Ngô Thị Quyên - kế toán vật liệu.

Đã kiểm nghiệm các loại CCDC theo hoá đơn trên để nhập vào kho ông Nguyễn Đức Chính, số liệu cụ thể như sau:

STT	Tên nhãn hiệu quy cách vật tư	Đơn vị	Số lượng	
			Theo hoá đơn	Theo thực tế
1	Bàn chải sắt tròn = máy	cái	600	600
	Cộng		600	600

ý kiến của bản kiểm nghiệm: Số CCDC trên đúng quy cách, chất lượng, số lượng theo hoá đơn, có đủ điều kiện làm thủ tục nhập kho.

Biên bản kết thúc hồi 10h cùng ngày. Biên bản được lập thành 2 bản, mỗi bên giữ một bản có nội dung như nhau.

Thủ kho**Cán bộ vật tư****Phòng KCS****Kế toán***(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long)*

Biểu số 2.5: Phiếu nhập kho số 720

CÔNG TY ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG
PHÒNG VẬT TƯ

Mẫu số 01VT.
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của BTBTC

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 20 tháng 12 năm 2012

Nợ TK: 1521

Số: 720

Có TK: 331

Họ và tên người giao hàng: Nguyễn Kiên

Theo hoá đơn số: 0000183, ngày 20 tháng 12 năm 2012

Nhập tại kho: Kim loại

STT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư	Mã số	Đơn vị	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Theo nhập		
1	Thép tấm CT3 d6		Kg	2.119,5	2.199,5	15.720	33.318.540
	Cộng						33.318.540

Tổng số tiền(viết bằng chữ): Ba mươi ba triệu, ba trăm mười tám nghìn, năm trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn.

Số chứng từ gốc kèm theo:02 chứng từ gốc.

Ngày 20 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu**Người nhập hàng****Thủ kho****Kế toán trưởng**

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu số 2.5: Phiếu nhập kho số 688

CÔNG TY ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG
PHÒNG VẬT TƯ

Mẫu số 01VT.

QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của BTBTC

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 16 tháng 12 năm 2012

Nợ TK: 153

Số: 688

Có TK: 111

Họ và tên người giao hàng: Đinh Văn Thương

Theo hoá đơn số: 002114, ngày 16 tháng 12 năm 2012

Nhập tại kho: Điện

STT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư	Mã số	Đơn vị	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Theo nhập		
1	Bàn trải sắt tròn = máy		cái	600	600	4.500	2.700.000
	Cộng						2.700.000

Tổng số tiền(viết bằng chữ): Hai triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn

Số chứng từ gốc kèm theo:02 chứng từ gốc.

Ngày 16 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu Người nhập hàng Thủ kho Kế toán trưởng

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

2.2.4.2. Chứng từ và thủ tục xuất kho

Chứng từ và tài liệu liên quan

- Phiếu xuất kho (mẫu số 02-VTBB)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ
- Phiếu vật tư theo hạn mức (mẫu 04-VTHD)
- ...

Dựa vào kế hoạch sản xuất của phân xưởng và các phòng ban. Căn cứ vào nhu cầu thực tế của bộ phận mình quản đốc phân xưởng lập phiếu đề nghị cấp vật tư. Trên phiếu có sự xác nhận của phụ trách kỹ thuật thuộc phòng kỹ thuật. Phiếu đề nghị cấp vật tư được chuyển cho phòng cung ứng vật tư.

Ví dụ: Trong tháng 15/12/2012 xuất kho vật tư cho sản xuất có phiếu đề nghị cấp vật tư như sau.

Biểu số 2.6: Định mức vật tư

CÔNG TY ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG

PHÒNG KT - CN

PHIẾU ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

Ngày 22 tháng 12 năm 2012

Tên đơn vị lĩnh vật tư: Phân xưởng vỏ tàu

Tàu: FB175

Lĩnh tại kho: Kim loại

STT	Tên vật tư	Ký hiệu/ mã hiệu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thép tấm d6	CT3	kg	235,5	

Phòng KT - CN

Cán bộ kỹ thuật

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

Khi đã có phiếu định mức vật tư có sự xác nhận của phòng kỹ thuật và phòng cung ứng vật tư có thể cung ứng được, thì phòng vật tư sẽ lập phiếu xuất kho (biểu 2.4) cho người lĩnh vật tư xuống lĩnh. Mỗi phiếu xuất kho được lập thành ba liên :

Liên 1 : Lưu ở bộ phận lập phiếu.

Liên 2: Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho và cuối tháng chuyển cho kế toán nguyên liệu vật liệu ghi vào sổ kế toán.

Liên 3: Giao cho người lĩnh vật tư.

Biểu số 2.7: Phiếu xuất kho số 1220

CÔNG TY ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG
PHÒNG VẬT TƯ

Mẫu số 02 - VT.

QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của BTBTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 22 tháng 12 năm 2012

Số: 1220

Nợ TK: 621

Có TK: 1521

Họ tên người nhận hàng : Nguyễn Mạnh Hùng

Địa chỉ: phân xưởng vỏ tàu

Lí do xuất : Phục vụ sản xuất tàu FB175

Xuất tại kho : Kim loại

STT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư (SP, HH)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Thép tấm CT3 d6		kg	235,5	235,5		
	Cộng						

Tổng số tiền(viết bằng chữ):

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 22 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu số 2.8: Phiếu xuất kho số 1186

CÔNG TY ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG
PHÒNG VẬT TƯ

Mẫu số 02 - VT.

QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của BTBTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 17 tháng 12 năm 2012

Số: 1186

Nợ TK: 627

Có TK: 153

Họ tên người nhận hàng : Nguyễn Mạnh Hùng

Địa chỉ: phân xưởng vỏ tàu

Lí do xuất : PVSX + S/c MMTB

Xuất tại kho : Điện

STT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư (SP, HH)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Bàn chải sắt tròn = máy		cái	300	300		
	Cộng			300	300		

Tổng số tiền(viết bằng chữ):

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 17 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

2.2.5. Kế toán chi tiết NVL và CCDC

Công ty TNHH MTV Đóng và sửa chữa tàu Hải Long tổ chức công tác kế toán chi tiết NVL và CCDC theo phương pháp ghi thẻ song song. Việc áp dụng phương pháp này ở công ty được tiến hành như sau:

* Tại kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho (biểu 2.6) để ghi chép hàng ngày tình hình nhập xuất tồn kho vật tư theo chỉ tiêu số lượng. Khi nhận được chứng từ nhập xuất vật tư thủ kho tiến hành kiểm tra tính hợp lý hợp lệ của chứng từ đó rồi tiến

hành nhập xuất vật tư. Cuối ngày phân loại chứng từ để ghi thẻ kho. Mỗi loại vật tư được ghi vào một tờ thẻ. Mỗi chứng từ được ghi một dòng trên tờ thẻ theo số, ngày của chứng từ. Phiếu nhập kho ghi cột nhập, phiếu xuất kho ghi cột xuất. Sau mỗi lần nhập, xuất thủ kho tính ra số tồn kho. Cuối tháng thủ kho xác định tổng số nhập, xuất của từng thứ NVL trên thẻ kho

* Ở phòng kế toán:

Khi nhận được chứng từ nhập xuất vật tư kế toán vật liệu kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ rồi ghi vào sổ chi tiết vật tư theo cả 2 chỉ tiêu số lượng và giá trị.

- Chỉ tiêu giá trị của vật tư nhập trong tháng ở sổ chi tiết của từng thứ vật tư được tính bằng giá mua cộng chi phí vận chuyển, bốc dỡ đã được phân bổ.

- Chỉ tiêu giá trị của vật tư xuất trong tháng ở sổ chi tiết vật tư được xác định theo đơn giá bình quân gia quyền.

- Cuối tháng kế toán tính ra giá trị tồn kho vật tư theo cả 2 chỉ tiêu số lượng và giá trị.

- Do công ty tính giá trị NVL xuất kho theo đơn giá bình quân gia quyền cả kì dự trữ, nên mỗi lần xuất chưa xác định được ngay đơn giá xuất. Đến cuối tháng xác định được đơn giá bình quân kế toán lập phiếu tổng hợp xuất vật liệu

Cuối tháng, sau khi phản ánh toàn bộ nghiệp vụ nhập xuất vào sổ, kế toán tiến hành cộng sổ tính ra tổng số nhập, tổng số xuất và số tồn kho của từng loại vật tư. Sau đó kế toán và thủ kho đối chiếu số liệu trên thẻ kho (biểu 2.6) với sổ chi tiết vật tư (biểu 2.7), nếu thấy số liệu chính xác thì kế toán ký xác nhận vào thẻ kho. Công việc tiếp theo là kế toán căn cứ vào sổ kế toán chi tiết để lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn kho vật tư (biểu 2.8).

Ví dụ: Tiếp VD trên của thép tấm CT3 d6 và Bàn chải sắt tròn = máy

Biểu số 2.9: Trích thẻ kho

CÔNG TY ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG
Số 108 Phan Đình Phùng, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số 012-DN.
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của BTBTC

THẺ KHO

Tháng 12 năm 2012

Tờ số:

Tên nhãn hiệu quy cách vật tư: Thép tấm CT3 d6

Đơn vị tính: kg

Mã số:

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
	Số hiệu	Ngày tháng		Nhập	Xuất	Tồn	
			Tồn ngày 01/12/2012			892,473	
				...	...	...	
15/12	PX1120		Xuất cho sản xuất PX vỏ		9,420	875,988	
20/12	PN 720	20/12	Nhập của CTCPSX, KD kim khí	2119,5		2990,488	
							
22/12	PX 1220	22/12	Xuất cho sản xuất PX vỏ		235,5	2560,095	
28/12	PX1423	28/12	Xuất cho sản xuất PX vỏ		16,485	2543,610	
							
30/12	PX1500	30/12	Xuất cho sản xuất PX vỏ		164,850	114,663	
			Cộng 31/12/2012	2119,5	2879,31	114,663	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu số 2.10: Thẻ kho

CÔNG TY ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG

Số 108 Phan Đình Phùng, Hồng Bàng, Hải Phòng**Mẫu số 012-DN.**

QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của BTBTC

THẺ KHO

Tháng 12 năm 2012

Tờ số:

Tên nhãn hiệu quy cách vật tư: Bàn chải sắt tròn

Đơn vị tính: cái

Mã số:

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
	Số hiệu	Ngày tháng		Nhập	Xuất	Tồn	
			Tồn ngày 01/12/2012			371	
				...	...	...	
16/12	PN688	16/12	Nhập của Cty ĐT và TM Đại An	600		731	
17/12	PX1176	17/12	Xuất cho sản xuất		300	431	
							
20/12	PX 1193	20/12	Xuất cho sản xuất		10	411	
22/12	PX1216	22/12	Xuất cho sản xuất		4	407	
							
30/12	PX1492	30/12	Xuất cho sản xuất		300	96	
			Cộng 31/12/2012	900	1.175	96	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thủ kho**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu số 2.11: Sổ chi tiết VL, CCDC, SP, HH

CÔNG TY ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG

Số 108 Phan Đình Phùng, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S10 - DN.

QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của BTBTC

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU (CCDC, SP, HH)

Tháng 12 năm 2012

Tên, quy cách vật liệu: Thép tấm CT3 d6

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				Lượng	T. tiền	Lượng	T. tiền	Lượng	T. tiền
		Số dư đầu tháng		15.340					892,473	13.690.535,82
										
PN720	20/12	Mua của cty Kim Khí	331	15.720	2119,5	33.318.540			2995,488	
										
PX1220	22/12	Xuất cho sản xuất PX vỏ	621				235,5		2560,095	
PX1289	28/12	Xuất cho sản xuất PX vỏ	621				16,485		2543,610	
										
PX1300	30/12	Xuất cho sản xuất PX vỏ	621				164,850		114,663	
		Cộng cuối tháng			2119,5	33.318.540	2897,310	45.545.713,2	114,663	1.802.502,36

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu số 2.12: Sổ chi tiết VL, CCDC, SP, HH

CÔNG TY ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG

Số 108 Phan Đình Phùng, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S10 - DN.

QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của BTBTC

SỔ CHI TIẾT CCDC (VL, SP, HH)

Tháng 12 năm 2012

Tên, quy cách vật liệu: Bàn chải sắt tròn = máy

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				Lượng	T.tiền	Lượng	T.tiền	Lượng	T.tiền
		Số dư đầu tháng		4.500					371	1.669.500
										
PN688	16/12	Mua của Cty Đại An	331	4.500	600	2.700.000			731	
PX1176	17/12	Xuất cho sản xuất	621				300		431	
										
PX1193	20/12	Xuất cho sản xuất PX vỏ	621				10		411	
PX1216	22/12	Xuất cho sản xuất PX vỏ	621				04		407	
										
PX1301	30/12	Xuất cho sản xuất PX vỏ	621				300		96	
		Cộng cuối tháng			900	4.050.000	1.175	5.287.500	96	432.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu số 2.13: Trích bảng tổng hợp Xuất Nhập Tồn

CÔNG TY ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG

Số 108 Phan Đình Phùng, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S11 - DN.

QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của BTBTC

BẢNG TỔNG HỢP XUẤT, NHẬP, TỒN

Từ ngày 01/12/2012 đến ngày 31/12/2012

Tài khoản 152

STT	Tên, qui cách VL, DC, SP, HH	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
					
15	Thép tấm CT3 d6	13.690.535,82	33.318.540	45.545.713,2	1.802.502,36
16	Thép CT3 \$8	0	355.320	324.720	30.600
17	Lưới cứu nạn Jason 710x3430	0	50.792.540	50.792.540	0
18	Van ren tay gạt bằng đồng DY	1.470.000	4.925.000	4.137.000	2.265.500
.....					
	Cộng	23.781.339.797	69.055.637.008	76.563.426.178	16.273.610.627

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu**Kế toán trưởng**

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu số 2.14: Trích bảng tổng hợp Xuất Nhập Tồn

CÔNG TY ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG

Số 108 Phan Đình Phùng, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S11 - DN.

QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của BTBTC

BẢNG TỔNG HỢP XUẤT, NHẬP, TỒN

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Tài khoản 153

STT	Tên, qui cách VL, DC, SP, HH	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
					
08	Bàn chải sắt tròn = máy	1.669.500	4.050.000	5.287.500	432.000
09	Quần áo bạt	3.630.000	19.800.000	22.110.000	1.320.000
10	Giấy vải	2.880.000	27.450.000	27.360.000	2.970.000
11	Mũi khoan \$30	0	562.000	562.000	0
.....					
	Cộng	271.509.892	112.769.535	140.694.293	243.585.134

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu**Kế toán trưởng**

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

2.2.6. Kế toán tổng hợp NVL và CCDC của công ty TNHH MTV Đóng và sửa chữa tàu Hải Long**2.2.6.1. Kế toán tổng hợp nhập NVL và CCDC tại công ty****a) Tài khoản sử dụng:**

Nguyên vật liệu liên quan đến nhiều hoạt động trong quá trình sản xuất kinh doanh, do đó bên cạnh tài khoản phản ánh nguyên vật liệu, kế toán nguyên vật liệu sử dụng rất nhiều tài khoản ở các phần hành khác nhau :

- TK 152: trong đó có 4 tài khoản cấp 2

TK 1521: Nguyên liệu, vật liệu chính

TK 1522: Vật liệu phụ

TK 1523: Nhiên liệu

TK 1524: Phụ tùng thay thế

- TK 153: Công cụ dụng cụ

- TK 621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- TK 642: Chi phí quản lý chung

- Ngoài ra còn các TK 111; TK 112; TK 141; TK 133; TK 331...

b) Trình tự hạch toán:

Từ các chứng từ gốc (phiếu nhập kho, hóa đơn GTGT) kế toán lập chứng từ ghi sổ, từ chứng từ ghi sổ ghi bên nợ sổ cái các TK 152, 153

Ví dụ 3: tiếp theo VD1 và VD2 từ PN1225 và PN1618, kế toán lập các chứng từ ghi sổ số 0990 và 1036 (biểu 2.15, 2.16). Từ chứng từ ghi sổ kế toán ghi sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (biểu số 2.17) và sổ cái TK 152, 153 (biểu số 2.19, 2.20)

Biểu số 2.15: Trích chứng từ ghi sổ 990

CÔNG TY ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG
Số 108 Phan Đình Phùng, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S02a - DN.
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của BTBTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ**Số: 0990**

Ngày 16/12/2012

Chứng từ gốc		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
SH	Ngày		Nợ	Có		
PN688	16/12	Mua bàn chải sắt tròn = máy	153	111	2.700.000	
HĐ002114	16/12	Thuế GTGT đầu vào	133	111	270.000	
		Cộng			2.970.000	

Ngày 16 tháng 12 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu số 2.16: Trích chứng từ ghi sổ 1036

CÔNG TY ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG
Số 108 Phan Đình Phùng, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S02a - DN.
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của BTBTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ**Số: 1036**

Ngày 20/12/2012

Chứng từ gốc		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
SH	Ngày		Nợ	Có		
PN720	20/12	Mua thép tấm CT3 d6	152	331	33.318.540	
HĐ0000183	20/12	Thuế GTGT đầu vào	152	331	3.331.854	
		Cộng			36.650.394	

Ngày 20 tháng 12 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu số 2.17: Trích sổ đăng kí chứng từ ghi sổ

CÔNG TY ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG
Số 108 Phan Đình Phùng, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S02b - DN.
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của BTBTC

SỔ ĐĂNG KÍ CHỨNG TỪ GHI SỔ
Năm 2012

CHỨNG TỪ GHI SỔ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
.....		
0990	16/12	2.970.000
.....		
1036	20/12	36.650.394
.....		
1091	31/12	16.208.791.000
1092	31/12	647.063.730
1093	31/12	58.943.886.363
1094	31/12	4.506.301.651
1095	31/12	73.199.475.708
1096	31/12	2.725.631.552
1097	31/12	234.576.764.700
Cộng		2.238.647.112.763

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu số 2.18: Trích sổ cái TK 152

CÔNG TY ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG
Số 108 Phan Đình Phùng, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S02C2 - DN.
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của BTBTC

SỔ CÁI

Năm: 2012

Số hiệu: 152

Tên TK: Nguyên liệu, vật liệu

NT ghi số	Chứng từ GS		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	N,T			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ		<u>11.248.614.685</u>	
			Phát sinh trong kỳ			
....						
30/4	0475	19/4	Mua thép góc L25x25	331	845.025.960	
....						
30/8	0724	30/8	Xuất vật tư cho đóng mới tàu cá 1482C	621		177.708240
31/9	0912	31/09	Xuất vật tư cho đóng mới Xuồng CV01	621		783.432.510
....						
31/12	1036	20/12	Mua thép tấm CT3 d6	331	33.318.540	
....						
			Cộng PS tháng 12		69.055.637.008	76.563.426.178
			Cộng lũy kế		168.863.170.830	163.874.174.888
			Dư cuối kỳ		<u>16.273.610.627</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu số 2.19: Trích sổ cái TK 153

CÔNG TY ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG
Số 108 Phan Đình Phùng, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S02C2 - DN.
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của BTBTC

SỔ CÁI
Năm: 2012
Số hiệu: 153
Tên TK: Công cụ dụng cụ

NT ghi số	Chứng từ GS		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	N,T			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ		<u>286.341.256</u>	
			Phát sinh trong kỳ			
.....						
31/7	0695	05/07	Mua mũi khoan \$32	331	603.000	
31/10	0860	15/10	Mua quần áo bảo hộ	331	3.050.000	
.....						
31/12	0990	16/12	Mua bàn chải sắt tròn = máy	331	3.525.000	
						
31/12	0997	31/12	Xuất CCDC cho sản xuất PX vỏ	627		1.350.000
.....						
			Cộng PS tháng 12		112.769.535	140.694.293
			Cộng lũy kế		878.013.670	920.769.855
			Dư cuối kỳ		<u>243.585.071</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long)

*2.2.6.2. Kế toán tổng hợp xuất NVL và CCDC tại công ty****a) Tài khoản sử dụng:***

- TK 152: trong đó có 4 tài khoản cấp 2
 - TK 1521: Nguyên liệu, vật liệu chính
 - TK 1522: Vật liệu phụ
 - TK 1523: Nhiên liệu
 - TK 1524: Phụ tùng thay thế
- TK 153: Công cụ dụng cụ
- TK 621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- TK 627: Chi phí sản xuất chung

b) Trình tự hạch toán:

Từ các phiếu tổng hợp xuất vật liệu theo nơi sử dụng kế toán lập các chứng từ ghi sổ. Dùng chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái các TK 152, 153.

Ví dụ 4: Từ PTH02/12 (biểu số 2.20) và PTH07/12 (biểu số 2.21) kế toán lập các chứng từ ghi sổ số 1082 (biểu số 2.22) và 1084 (biểu số 2.23). Từ chứng từ ghi sổ kế toán ghi sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (biểu số 2.24) và sổ cái TK 152, 153 (biểu số 2.25, 2.26)

Biểu số 2.20: Trích phiếu tổng hợp xuất vật tư PTH02/12

CÔNG TY ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG

PTH02/12

Số 108 Phan Đình Phùng, Hồng Bàng, Hải Phòng**PHIẾU TỔNG HỢP XUẤT VẬT TƯ**

Từ ngày 01/12/2012 đến 31/12/2012

Nơi sử dụng: Tàu FB175

Tài khoản ghi Nợ: 621 – Chi phí NVL trực tiếp

Ngày ghi sổ	Số C.từ	Ghi có các tài khoản				Cộng có TK152	Ghi chú
		1521	1522	1523	1524		
31/12	1102	71.267.959	10.500			71.278.459	
31/12			5.111.970			5.111.970	
							
31/12	1222	33.318.540				33.318.540	
31/12	1224	95.075.559					
							
31/12	1289			357.552		357.552	
							
	Cộng	479.517.884	22.598.737	357.552	0	502.474.173	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu**Kế toán trưởng***(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long)*

Biểu số 2.21: Trích phiếu tổng hợp xuất vật tư PTH07/12

CÔNG TY ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG

Số 108 Phan Đình Phùng, Hồng Bàng, Hải Phòng

PTH07/12

PHIẾU TỔNG HỢP XUẤT VẬT TƯ

Từ ngày 01/12/2012 đến 31/12/2012

Nơi sử dụng: PVSX + S/c MMTB

Tài khoản ghi Nợ: 627 – Chi phí sản xuất chung

Ngày ghi sổ	Số C.từ	Ghi có các tài khoản							Ghi chú
		1521	1522	1523	1524	Cộng có 152	1531	Cộng có 153	
31/12	1107	2.236.000				2.236.000			
31/12	1109						1.085.000	1.085.000	
									
31/12	1176						1.350.000	1.350.000	
31/12	1180	1.966.638	118.950			2.085.588			
									
31/12	1212			1.981.840	288.000				
31/12	1220						32.363.635	32.363.635	
									
	Cộng	38.126.355	36.711.548	2.681.640	3.058.454	77.877.997	65.564.635	65.564.635	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu số 2.22: Trích chứng từ ghi sổ 1082

CÔNG TY ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG
Số 108 Phan Đình Phùng, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S02a - DN.

QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của BTBTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 1082

Ngày 31/12/2012

Chứng từ gốc		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
SH	Ngày		Nợ	Có		
PTH02/12	31/12	Xuất vật tư cho tàu FB175 T12	621	152	502.474.173	
		Cộng			502.474.173	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu số 2.23: Trích chứng từ ghi sổ 1036

CÔNG TY ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG
Số 108 Phan Đình Phùng, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S02a - DN.

QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của BTBTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 1084

Ngày 31/12/2012

Chứng từ gốc		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
SH	Ngày		Nợ	Có		
PTH07/12	31/12	Xuất vật tư PVSX + S/c MMTB	627	152	77.877.997	
			627	153	65.564.635	
		Cộng			143.442.632	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu số 2.24: Trích sổ đăng kí chứng từ ghi sổ

CÔNG TY ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG
Số 108 Phan Đình Phùng, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S02b - DN.

QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của BTBTC

SỔ ĐĂNG KÍ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2012

CHỨNG TỪ GHI SỔ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
.....		
990	16/12	2.970.000
.....		
1036	20/12	36.650.394
.....		
1082	31/12	502.474.173
.....		
1084	31/12	143.442.632
.....		
1095	31/12	73.199.475.708
1096	31/12	2.725.631.552
1097	31/12	234.576.764.700
Cộng		2.238.647.112.763

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu số 2.25: Trích sổ cái TK 152

CÔNG TY ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG
Số 108 Phan Đình Phùng, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S02C2 - DN.
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của BTBTC

SỔ CÁI

Năm: 2012

Số hiệu: 152

Tên TK: Nguyên liệu, vật liệu

NT ghi sổ	Chứng từ GS		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	N,T			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ		<u>11.248.614.685</u>	
			Phát sinh trong kỳ			
.....						
30/4	0475	19/4	Mua thép góc L25x25	331	845.025.960	
.....						
31/9	0912	31/09	Xuất vật tư cho đóng mới Xuong CV01	621		783.432.510
.....						
31/12	1036	20/12	Mua thép tấm CT3 d6	331	33.318.540	
.....						
31/12	1082	31/12	Xuất vật tư cho tàu FB175 tháng 12	621		502.474.173
.....						
31/12	1084	31/12	Xuất vật tư PVSX + S/c MMTB	627		77.877.997
.....						
			Cộng PS tháng 12		69.055.637.008	76.563.426.178
			Cộng lũy kế		168.863.170.830	163.874.174.888
			Dư cuối kỳ		<u>16.273.610.627</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu số 2.26: Trích sổ cái TK 153

CÔNG TY ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG
Số 108 Phan Đình Phùng, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S02C2 - DN.
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của BTBTC

SỔ CÁI
Năm: 2012
Số hiệu: 153
Tên TK: Công cụ dụng cụ

NT ghi sổ	Chứng từ GS		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	N,T			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ		286.341.256	
			Phát sinh trong kỳ			
.....						
31/7	695	05/07	Mua mũi khoan \$32	331	603.000	
31/10	860	15/10	Mua quần áo bảo hộ	331	3.050.000	
.....						
31/12	990	16/12	Mua bàn chải sắt tròn = máy	331	3.525.000	
						
31/12	1084	31/12	Xuất vật tư PVSX + S/c MMTB	627		65.564.635
.....						
			Cộng PS tháng 12		112.769.535	140.694.293
			Cộng lũy kế		878.013.670	920.769.855
			Dư cuối kỳ		243.585.071	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long)

CHƯƠNG 3:**MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NVL
VÀ CCDC TẠI CÔNG TY TNHH MTV ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU
HẢI LONG****3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán NVL tại công ty TNHH MTV Đóng và sửa chữa tàu Hải Long****3.1.1 Những ưu điểm và kết quả đạt được**** Về tổ chức bộ máy quản lý:*

Công ty đã xây dựng bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng và hạch toán phù hợp với nhu cầu của nền kinh tế thị trường. Ngoài chức năng, nhiệm vụ riêng của từng phòng, các phòng còn phối hợp giúp đỡ nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Chính sự thống nhất trong công tác quản lý giữa các phòng ban trong công ty cũng như các phần hành kế toán trong bộ máy kế toán đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý của Ban lãnh đạo công ty.

** Về bộ máy kế toán*

Cơ cấu của phòng tài chính kế toán gọn nhẹ, chặt chẽ, mỗi người phụ trách một mảng riêng, có nhiệm vụ và quyền hạn đối với mỗi phần hành của mình. Cán bộ kế toán độc lập, trình độ năng lực chuyên môn cao, nhiệt tình và yêu nghề, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Do vậy mà bộ máy kế toán của công ty luôn đảm bảo cho việc theo dõi, báo cáo sổ hàng tháng đúng hạn. Điều này giúp cho công tác quản lý của công ty nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng củng cố và lớn mạnh.

** Về hệ thống tài khoản kế toán sử dụng:* Công ty sử dụng đúng hệ thống tài khoản thống nhất theo quyết định số 15/2006/ QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung. Việc sắp xếp, phân loại các tài khoản trong hệ thống tài khoản của công ty là phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh.

+ Chứng từ kế toán: Công ty đã sử dụng chứng từ đúng chế độ kế toán của Bộ Tài chính ban hành. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ phát sinh. Những thông tin về nghiệp vụ kế toán được ghi đầy đủ, chính xác vào chứng từ, tạo điều kiện cho tìm kiếm,

kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Trình tự luân chuyển chứng từ đảm bảo cho chứng từ lập ra có cơ sở thực tế, pháp lý. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ, kế toán ở phần hành nào thì lưu trữ chứng từ liên quan đến phần hành đó. Vì vậy bảo đảm tính không chồng chéo và nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng.

+ Về sổ kế toán: Các sổ kế toán được thực hiện rõ ràng, sạch sẽ và được in ra lưu trữ theo quy định chung của Nhà nước. Công ty áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ, ưu điểm là đơn giản, dễ ghi chép, dễ đối chiếu số liệu.

*Về công tác quản lý NVL và CCDC

- Công tác thu mua NVL, CCDC

Phòng SXKD và phòng vật tư vẫn luôn kết hợp chặt chẽ để đề ra kế hoạch thu mua hợp lý, không có tình trạng tồn đọng vật tư hay thiếu hụt vật tư phục vụ cho sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi hợp lý cho việc quản lý và luân chuyển chứng từ một cách thông suốt, hạn chế sai sót, tăng cường kiểm tra giám sát lẫn nhau giữa các bộ phận.

Mặt khác, Công ty đã thiết lập được mối quan hệ lâu năm với những đơn vị cung ứng vật tư nên giá cả tương đối ổn định, từ đó tránh được tình trạng thiếu hụt, gián đoạn sản xuất. Đồng thời ban kiểm nghiệm của Công ty hoạt động rất hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, chủng loại vật liệu mua về. Kết hợp với hệ thống kho tàng của Công ty được trang bị khá đầy đủ về các phương tiện đo lường về mặt hiện vật, kích cỡ, quy cách. Vật tư được sắp xếp khoa học, thuận tiện cho việc xuất nhập kho và kiểm tra. Công việc kế toán tại kho được thực hiện khá nghiêm túc và thường xuyên được kiểm tra đối chiếu với kế toán vật liệu tại phòng kế toán.

- Khâu sử dụng NVL, CCDC

Phòng kỹ thuật phối hợp với phòng KCS đã xây dựng định mức sử dụng vật liệu căn cứ vào tình hình sản xuất thực tế và các yêu cầu về vật liệu của từng loại sản phẩm hàng hoá, từng đơn đặt hàng. Vì vậy đã tiết kiệm đáng kể chi phí NVL, CCDC hạ giá thành sản phẩm.

*Về tổ chức kế toán chi tiết NVL, CCDC

+ Các thủ tục nhập - xuất kho được thực hiện tương đối chặt chẽ, các chứng từ được thiết lập đầy đủ, quy trình luân chuyển hợp lý, thuận lợi cho việc xuất kho và ghi chép kế toán.

+ Giá NVL, CCDC nhập kho được xác định theo giá thực tế, giá xuất kho được tính theo đơn giá bình quân gia quyền cả kì dự trữ đã tuân thủ nguyên tắc và chế độ hiện hành chế toán hiện hành.

+ Hàng tồn kho của Công ty được bảo quản trong điều kiện khoa học, thuận tiện cho việc nhập xuất kho và kiểm tra.

+ Công ty đã sử dụng phương pháp thẻ song song để hạch toán chi tiết NVL, CCDC từ đó giúp cho việc ghi chép đơn giản, dễ hiểu, dễ phát hiện kiểm tra và phát hiện sai sót.

***Về hạch toán tổng hợp NVL, CCDC**

Công ty đã sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán NVL, CCDC phương pháp này phù hợp với tình hình biến động rất thường xuyên của vật tư, cung cấp những thông tin kịp thời chính xác về NVL, CCDC. Hơn nữa phòng kế toán có sự hỗ trợ của máy tính trong công tác kế toán nên việc lựa chọn phương pháp KKTX là hoàn toàn hợp lý.

Bên cạnh những ưu điểm và kết quả đạt được, công tác kế toán nói chung và kế toán NVL, CCDC nói riêng của Công ty còn những tồn tại nhất định.

3.1.2 Những khó khăn, tồn tại

Bên cạnh những ưu điểm về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán NVL và CCDC, công ty còn một số mặt tồn tại:

Tồn tại 1: Tồn tại về NVL và CCDC

-Về phân loại NVL, CCDC:

Khối lượng NVL, CCDC sử dụng ở Công ty là rất lớn bao gồm nhiều loại, mỗi loại đều có những tính chất công dụng, quy cách khác nhau. Do đó việc phân loại NVL, CCDC một cách khoa học là rất cần thiết. Tuy nhiên công việc này Công ty chưa đạt được hiệu quả như yêu cầu, đó là Công ty chưa lập sổ danh điểm vật liệu để sắp xếp các loại vật liệu, dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý và công tác kế toán.

Cụ thể như: Mỗi một loại NVL như thép bao gồm các loại thép thỏi, thép tấm, thép ống đúc, thép tròn...

Thép tròn trơn lại có rất nhiều loại có kích thước khác nhau như Thép tròn trơn CT45-D50x6m, Thép tròn trơn CT45-D55x6m...

Thép tấm lại có rất nhiều loại tấm có bề dày khác nhau phục vụ các yêu cầu khác nhau như tấm 2,5m x 4,25m x 2,5mm; tấm 2m x 4m x 1,5mm...

Thép ống đúc có rất nhiều loại kích cỡ khác nhau như Thép ống đúc F133 x 6 x 990, Thép ống đúc F219 x 7 x 4451, Thép ống đúc $\Phi 219 \times 7 \times 2100$, Thép ống đúc $\Phi 63 \times 3,5 \times 1450$...

Ngoài ra còn có rất nhiều NVL, CCDC khác nữa có tên, chủng loại, quy cách, kích cỡ khác nhau dẫn đến công tác quản lý NVL, CCDC về mặt số lượng cũng như là giá trị là rất phức tạp.

Tồn tại 2: Về sổ sách kế toán.

Việc sử dụng mẫu sổ trong hạch toán kế toán, chưa đủ và đúng so với quy định chung của Bộ Tài chính (quyết định 15/2006 QĐ - BTC ban hành ngày 20/03/2006). Cụ thể là:

Hiện tại công ty đang sử dụng hình thức Chứng từ ghi sổ, nhưng các chứng từ ghi sổ không được sắp xếp thuận lợi cho việc vào Sổ cái, công ty không có bước lập bảng kê các chứng từ cùng loại gây nên việc mất công sức khi lập các chứng từ ghi sổ.

Tồn tại 3: Về việc luân chuyển chứng từ

Chứng từ kế toán có vai trò đặc biệt quan trọng trong công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp chi phí nói riêng. Việc lập phiếu xuất kho ở công ty chưa kịp thời nhanh gọn, luân chuyển phiếu xuất từ phân xưởng đến kho và từ kho lên phòng kế toán còn chậm, không đảm bảo đúng thời hạn quy định.

Bên cạnh đó, việc tập hợp luân chuyển chứng từ không có quy định cụ thể về thời gian giao nộp chứng từ của các bộ phận nên gây ra tình trạng chậm trễ trong quá trình đưa chứng từ đến phòng tài chính kế toán để xử lý làm cho chứng từ bị ứ đọng từ tháng này sang tháng khác gây nên tình trạng lộn xộn trong việc sắp xếp và đóng chứng từ.

Tồn tại 4: Về việc ứng dụng phần mềm kế toán

Công ty đã ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán, cụ thể là đã trang bị máy vi tính cho phòng kế toán. Song việc ứng dụng mới chỉ dừng lại ở việc tính toán số liệu trên excel, lưu trữ tài liệu, công tác kế toán vẫn còn dựa vào lối hạch toán thủ công truyền thống, vẫn chưa giảm bớt thời gian trong khâu lập sổ sách cũng như các báo cáo kế toán.

Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán dẫn đến hiệu quả công việc chưa cao.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán NVL và CCDC tại công ty TNHH MTV Đóng và sửa chữa tàu Hải Long.***3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán NVL và CCDC tại công ty TNHH MTV Đóng và sửa chữa tàu Hải Long.***

Thứ nhất, do yêu cầu của sự phát triển kinh tế cần thiết phải có những thông tin tài chính chính xác, hiệu quả, đáng tin cậy. Các thông tin kế toán vừa mang tính định tính vừa mang tính định lượng, các thông tin này rất quan trọng đối với những đối tượng sử dụng thông tin. Thông tin kế toán cung cấp không chỉ quan trọng đối với bản thân doanh nghiệp mà còn rất quan trọng với Nhà nước trong việc kiểm tra tình hình chấp hành các chính sách, chế độ, từ đó nghiên cứu bổ xung chính sách, chế độ phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp và điều kiện thực tế của đất nước.

Thứ hai, mỗi doanh nghiệp khi hoạt động sản xuất kinh doanh đều mong muốn đạt hiệu quả kinh doanh cao. Công ty cần đưa ra những quyết định để tiết kiệm chi phí NVL và CCDC đầu vào, giảm giá thành, không ngừng nâng cao lợi nhuận. Để làm được điều đó thì việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán NVL và CCDC nói riêng sẽ đảm bảo cho việc cung cấp kịp thời, đồng bộ, chính xác khối lượng định mức dự trữ, tiêu hao vật tư, ngăn ngừa các hiện trạng hư hao, mất, lãng phí trong tất cả các khâu của quá trình thu mua, bảo quản và xuất NVL ra sản xuất.

3.2.2. Yêu cầu và nội dung hoàn thiện công tác kế toán NVL và CCDC tại Công ty TNHH MTV Đóng và sửa chữa tàu Hải Long.

Việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung, kế toán NVL và CCDC nói riêng muốn có tính khả thi cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Việc hoàn thiện công tác kế toán NVL và CCDC phải phù hợp với chế độ kế toán.

- Mặc khác, việc hoàn thiện kế toán nghiệp vụ NVL và CCDC phải tính đến xu thế của nó trong tương lai. Điều này thực hiện việc hoàn thiện không chỉ dừng lại ở việc hoàn thiện theo đúng chế độ kế toán hiện hành mà phải xem xét hoàn thiện sao cho kịp với chuẩn mực quốc tế.

- Việc hoàn thiện công tác kế toán còn góp phần tạo điều kiện cho công tác kiểm tra kế toán dễ dàng hơn. Đồng thời giúp cho những người quan tâm đến doanh nghiệp hiểu hơn về thực tế tình hình tài chính của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện phải trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh, đặc điểm tổ chức quản lý của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp bắt buộc phải áp dụng chế độ chuẩn mực kế toán nhưng được quyền vận dụng trong một phạm vi nhất định cho phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.

- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi và đem lại hiệu quả.

3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán NVL và CCDC tại Công ty TNHH MTV Đóng và sửa chữa tàu Hải Long.

Qua quá trình thực tập tại Công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long trên cơ sở tìm hiểu, vận dụng lý thuyết vào thực tế tại Công ty, em nhận thấy công tác kế toán NVL và CCDC kết quả của Công ty còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của công ty sẽ được hoàn thiện và có hiệu quả cao hơn. Dưới góc độ là một sinh viên, em xin mạnh dạn đưa ra một vài ý kiến nhỏ về công tác kế toán tại Công ty. Ý kiến mà em đề xuất dưới đây có thể chưa được tốt nhất, song em hi vọng sẽ góp phần vào việc hoàn thiện hơn nữa

công tác kế toán nói chung và công tác kế toán NVL và CCDC nói riêng tại Công ty TNHH MTV Đóng và sửa chữa tàu Hải Long.

3.2.3.1. Ý kiến thứ nhất: Xây dựng hệ thống danh điểm vật liệu hoàn chỉnh và thống nhất.

Đối với một Công ty mà sử dụng hàng chục loại vật liệu khác nhau, thì việc lập sổ danh điểm vật liệu thống nhất, hợp lý giữa kho và phòng kế toán (cũng như ở các phòng liên quan) là việc làm cần thiết. Có sổ danh điểm vật liệu sẽ giúp cho việc quản lý vật liệu được tốt, hạch toán kế toán sẽ chính xác, tạo điều kiện thuận lợi cho việc cơ giới hoá kế toán vật liệu, góp phần giảm bớt khối lượng công việc hạch toán kế toán, xử lý thông tin về vật liệu nhanh chóng, cung cấp thông tin kịp thời phục vụ yêu cầu quản lý, chỉ đạo sản xuất kinh doanh.

Việc lập sổ danh điểm vật liệu phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa phòng ban chức năng quản lý để đảm bảo tính khoa học, hợp lý phục vụ yêu cầu quản lý của Công ty, đặc biệt là thuận tiện cho việc sử dụng máy vi tính.

Muốn lập được sổ danh điểm vật liệu thì điều trước tiên phải làm tốt công tác phân loại vật liệu không chỉ phân loại theo nhóm vật liệu, mà phải phân loại chi tiết hơn trong từng nhóm đó.

Vật liệu được phân loại dựa trên vai trò, công dụng của từng vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh, những vật liệu nào có cùng vai trò, công dụng xếp vào cùng một loại như ở Công ty đã phân ra: nguyên vật liệu chính, nhiên liệu, phụ tùng... Trong mỗi loại lại được căn cứ vào tính chất, đặc điểm của vật liệu để đưa vào thành các nhóm, trong các nhóm lại phân ra các thứ vật liệu. Mỗi loại vật liệu sẽ được theo dõi chi tiết trên sổ kế toán, trong đó lại theo dõi chi tiết theo từng thứ vật liệu đó.

Ví dụ : Loại vật liệu chính như: Thép, inox, các loại động cơ..

Thép lại phân ra thành các nhóm: Thép tròn, Thép tấm, thép ống đúc, thép góc,...

Thép tròn lại có rất nhiều loại cỡ có kích thước khác nhau như Thép tròn trơn CT45-D50x6m, Thép tròn trơn CT45-D55x6m...

Thép tấm lại phân thành các thứ: Tấm 2,5m x 4,25m x 2,5m, Tấm 1,5m x 3,5m x 1,25m...

Thép ống đúc phân thành: Thép ống đúc F133 x 6 x 990, Thép ống đúc F219 x 7 x 4451, Thép ống đúc Φ 219 x 7 x 2100, Thép ống đúc Φ 63 x 3,5 x 1450...

Việc phân loại được thực hiện tốt sẽ lập được sổ danh điểm vật liệu, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý và hạch toán nguyên vật liệu.

Ví dụ: Một sổ danh điểm Nguyên vật liệu chính tại công ty như sau:

CÔNG TY ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG

Số 108 Phan Đình Phùng, Hồng Bàng, Hải Phòng

SỔ DANH ĐIỂM NGUYÊN VẬT LIỆU

TK 1521: Nguyên vật liệu chính

Ký hiệu		Tên NVL	Quy cách	ĐVT	Đơn giá
Nhóm	Danh điểm				
15211		Thép		kg	
	15211- A1	Thép tròn	CT45-D50x6m	kg	
	15211- A11	Thép tròn	CT45-D55x6m	kg	
		...			
	15211- A2	Thép ống đúc		kg	
	15211- A21	Thép ống đúc	F133 x 6 x 990	kg	
	15211- A22	Thép ống đúc	F219 x 7 x 4451	kg	
	15211- A23	Thép ống đúc	Φ 219 x 7 x 2100	kg	
		...			
15212		Vòng bi			
	15212- A1	Vòng bi	Vòng bi 6208		
	15212- A2	Vòng bi	Vòng bi 6314		
		...			

3.2.3.2. Ý kiến thứ hai: Quy định về ngày và trách nhiệm luân chuyển chứng từ

Việc luân chuyển chứng từ kho hay phòng vật tư sang phòng tài chính để xử lý còn chậm trễ gây nhiều khó khăn và ảnh hưởng tới việc kiểm tra, hạch toán và thanh toán cho khách hàng, công việc bị dồn ứ sang tháng sau làm ảnh hưởng không tốt cho công tác kế toán, làm nhân viên kế toán phải vất vả trong công việc. Vì vậy công ty cần có những biện pháp quy định về ngày luân chuyển chứng từ nhất định trong tháng để việc tập hợp chứng từ được thực hiện một cách đầy đủ, nhanh chóng, kịp thời.

Công ty theo có thể thực hiện các bước sau:

Bước 1: Quy định ngày giờ chuyển chứng từ: vào gần cuối mỗi ngày làm việc thủ kho của các kho phải nhanh chóng tập hợp hết tất cả các PX, PN trong ngày để chuyển lên cho phòng kế toán.

Bước 2: Lập sổ giao nhận chứng từ

CÔNG TY ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG

Số 108 Phan Đình Phùng, Hồng Bàng, Hải Phòng

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

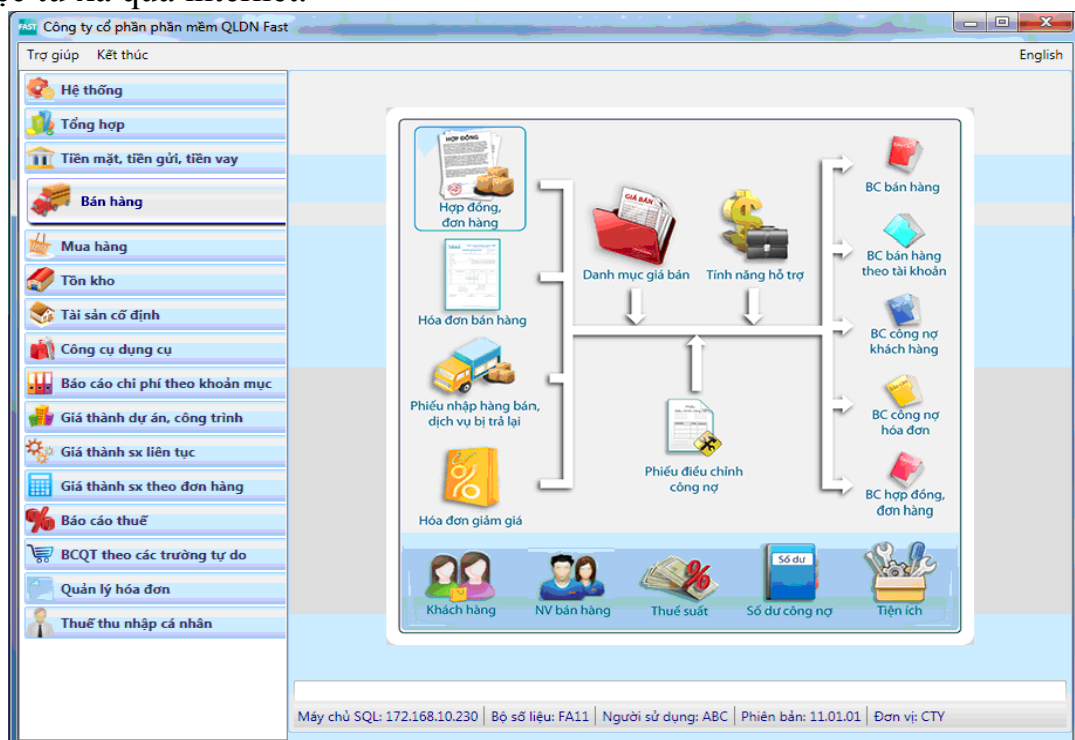
N. T giao CT	Số hiệu CT	Kế toán ký xác nhận	Ghi chú
01/01/12	PN0001		
	PN0002		
	PX0001		
	PX0002		
	PX0003		
02/01/12			

3.2.3.3. Ý kiến thứ ba: Về việc áp dụng kế toán máy

Ngày nay khoa học công nghệ ngày càng đóng vai trò vô cùng quan trọng trong nhiều lĩnh vực. Trong đó kế toán sử dụng phần mềm kế toán chuyên biệt sẽ giúp cán bộ kế toán cung cấp thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ đồng thời tiết kiệm cả về thời gian và công sức. Việc áp dụng rộng rãi kế toán máy là rất tiện lợi và cần thiết trong công tác kế toán của Công ty. Vì vậy, trong thời gian tới công ty nên sử dụng phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm kinh doanh, loại hình của doanh nghiệp mình để hạch toán, kiểm tra và in ấn sổ sách theo đúng quy định. Mặc dù chi phí ban đầu có thể là cao nhưng hiệu quả đem về tính chính xác, hiệu suất công việc cao, việc cập nhật thu thập các thông tin diễn ra thường xuyên, nhanh chóng đáp ứng kịp thời phục vụ đắc lực trong công tác quản lý công ty.

Các phần mềm kế toán được nhiều Công ty sử dụng hiện nay như : Misa, Fast, Simba, Acsoft, Adsoft... Các phần mềm này có nhiều tiện ích, phù hợp với hoạt động của Công ty như: đơn giản, dễ sử dụng, tốc độ xử lý thông tin nhanh, dễ dàng phát hiện sai sót, đảm bảo độ chính xác của thông tin xử lý

1) Phần mềm kế toán Fast Accounting 11 có 16 phân hệ, được phát triển trên công nghệ của Microsoft, có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet.



Ưu điểm:

- FA 11 được thiết kế cho phép chạy dưới dạng window hoặc dưới dạng web.

- FA 11 không quá rắc rối, phức tạp, không dư thừa nhiều tính năng.

2) Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2010 gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các loại hình doanh nghiệp, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán quản lý mọi hoạt động kinh tế phát sinh của mình.

Ưu điểm

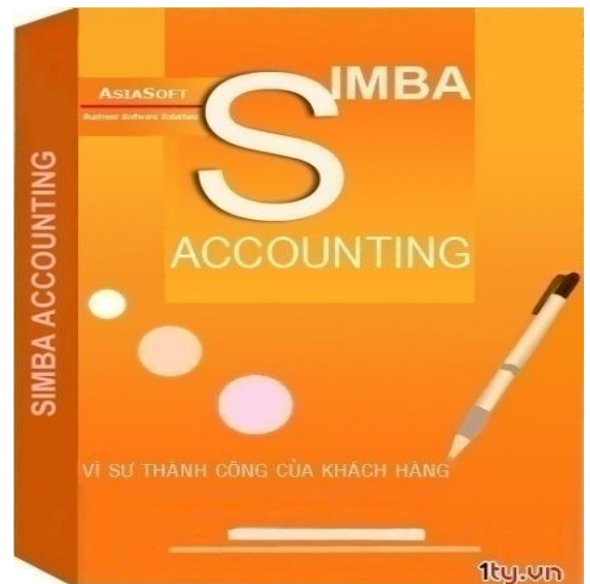
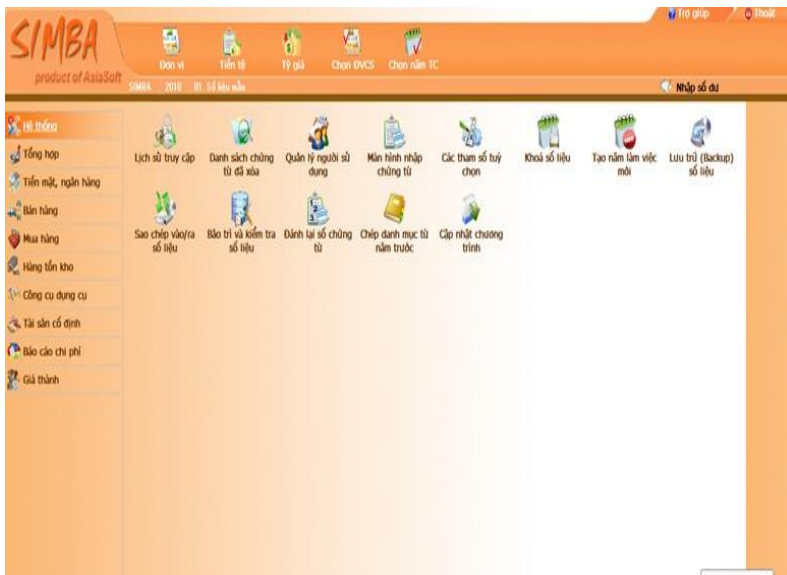
-Giao diện thân thiện, dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt (nhiều hóa đơn cùng 01 Phiếu chi).

-Bám sát chế độ kế toán, các biểu mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đa dạng đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.

-Tính chính xác: số liệu tính toán trong misa rất chính xác, ít khi xảy ra các sai sót bất thường



3) Phần mềm kế toán SIMBA: được thiết kế với mục tiêu giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí, giảm thiểu những thủ tục không cần thiết, đơn giản hóa và làm gọn nhẹ công tác kế toán



Ưu điểm;

-Cho phép bảo mật bằng mật khẩu và phân quyền truy cập chi tiết đến từng chức năng trong chương trình, từng người sử dụng.

- Cập nhật đầy đủ các biểu mẫu mới nhất của Bộ Tài chính

-Hỗ trợ tính giá thành theo nhiều phương pháp như: đơn giản, định mức, đối tượng tập hợp chi phí có thể là sản phẩm, công trình, hợp đồng, đơn giản.

-Giao diện được thiết kế theo hướng đơn giản, dễ thao tác

* Trong các phần mềm kế toán trên Công ty nên sử dụng phần mềm **Fast Accounting 11** để phù hợp với quy mô của Công ty hơn, có thể nói đây là một phần mềm kế toán tân tiến nhất ở Việt Nam hiện nay với nhiều tính năng mới, giao diện phần mềm đơn giản không phức tạp, giá cả lại hợp lý mang lại hiệu quả kinh tế cao.

KẾT LUẬN

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu lý luận với thực tiễn. Em thấy công tác kế toán nói chung cũng như kế toán NVL và CCDC nói riêng, là một bộ phận không thể thiếu trong toàn bộ công tác kế toán, cung cấp kịp thời các thông tin cần thiết cho việc lập kế hoạch sử dụng và thu mua NVL và CCDC.

Xuất phát từ tầm quan trọng đó trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH MTV Đóng và sửa chữa tàu Hải Long em đã lựa chọn đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán NVL và CCDC tại Công ty TNHH MTV Đóng và sửa chữa tàu Hải Long” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình. Khóa luận của em đã đề cập đến những vấn đề cơ bản sau:

- Về mặt lý luận: Đã hệ thống hóa các vấn đề lý luận về công tác kế toán NVL và CCDC tại doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

- Về mặt thực tiễn: Đã phản ánh khá đầy đủ thực trạng công tác kế toán NVL và CCDC tại Công ty TNHH MTV Đóng và sửa chữa tàu Hải Long với số liệu chứng minh và tình hình thực tế năm 2012. Đồng thời khóa luận cũng đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán NVL và CCDC tại Công ty.

Mặc dù nhận được sự hướng dẫn, chỉ bảo tận tình của cô giáo - Thạc sĩ Hoà Thị Thanh Hương và sự giúp đỡ của các cô chú trong Phòng Tài chính kế toán Công ty TNHH MTV Đóng và sửa chữa tàu Hải Long, song do trình độ, kinh nghiệm thực tế còn hạn chế và thời gian nghiên cứu có hạn nên bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô giáo và các cô chú trong phòng tài chính kế toán của Công ty TNHH MTV Đóng và sửa chữa tàu Hải Long để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn các thầy cô, đặc biệt là cô giáo - Thạc sĩ Hoà Thị Thanh Hương cùng các cô chú phòng kế toán trong Công ty TNHH MTV Đóng và sửa chữa tàu Hải Long đã nhiệt tình giúp đỡ em trong quá trình thực tập và hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này.

Hải Phòng, ngày tháng năm
Sinh viên

Nguyễn Thị Thu Hoa

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính. 2009, “*Chế độ kế toán doanh nghiệp*”. Hà Nội, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC.
3. Thông tư 244/2009/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2009.
4. PGS.TS Võ Văn Nhị (2006), “*26 chuẩn mực kế toán và kế toán tài chính doanh nghiệp*”, Nhà xuất bản Lao động xã hội.
5. GS.TS Ngô Thế Chi, PGS.TS Nguyễn Trọng Cơ (2008), “*Giáo trình phân tích tài chính doanh nghiệp*”, Nhà xuất bản Tài chính.
6. TS Nguyễn Năng Phúc (2006), “*Giáo trình phân tích báo cáo tài chính*”, Nhà xuất bản Kinh tế quốc dân.
7. Tài liệu sổ sách, báo cáo tài chính năm 2011 và năm 2012 của Công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long.
8. Thông tin từ website: www.webketoan.com, www.vatgia.com, www.ketoan.org